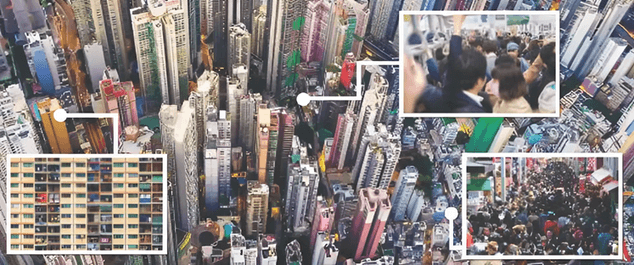
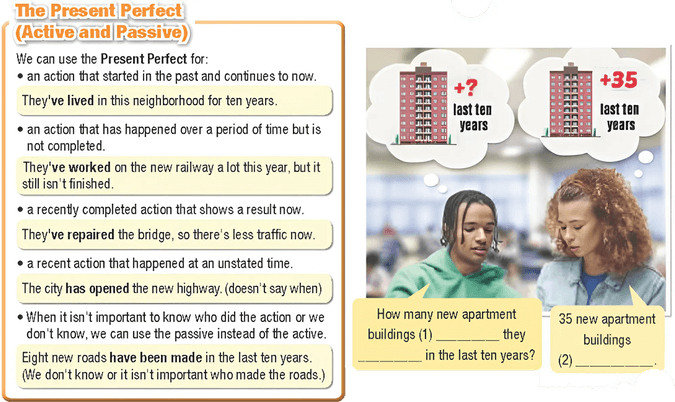
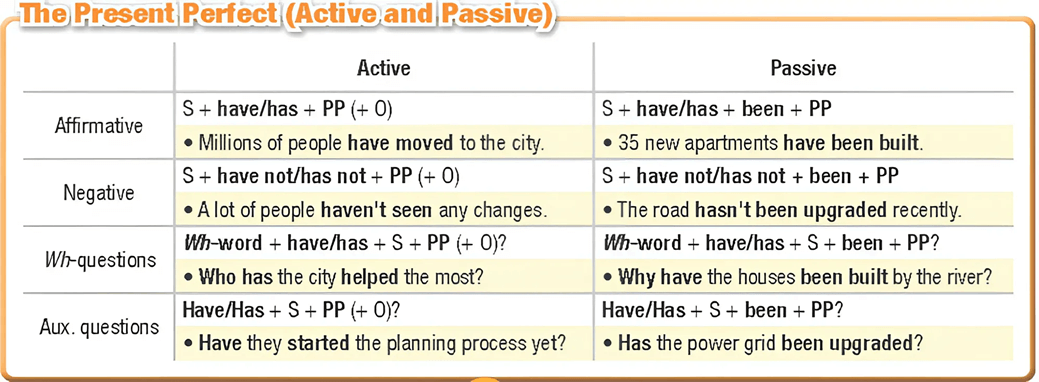
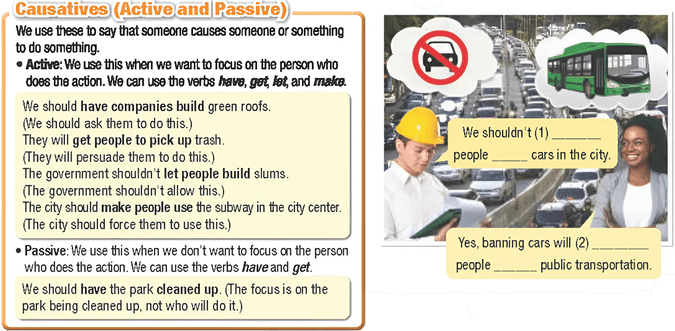
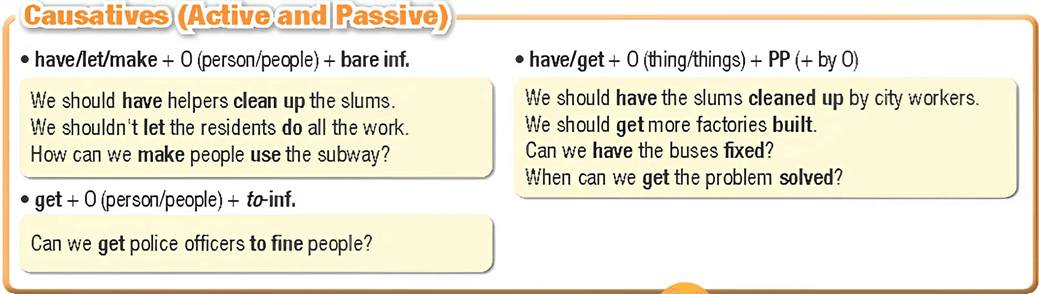
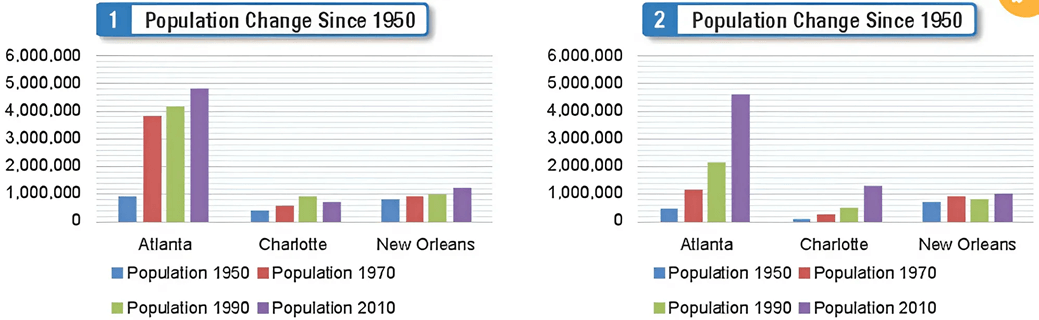
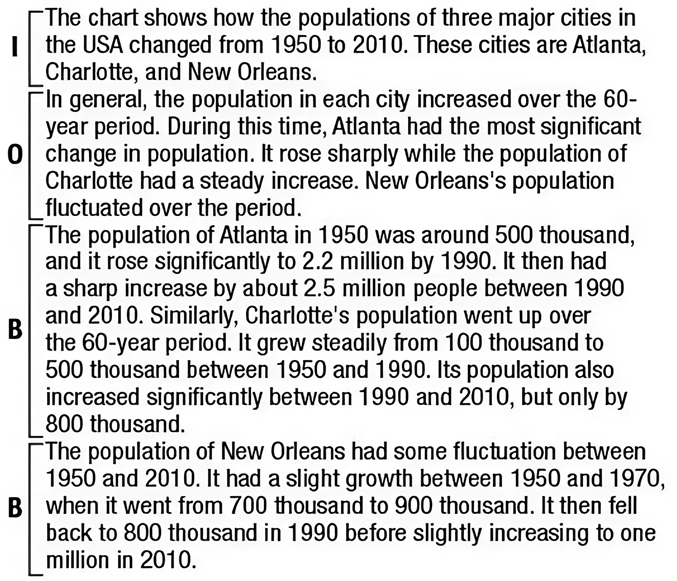
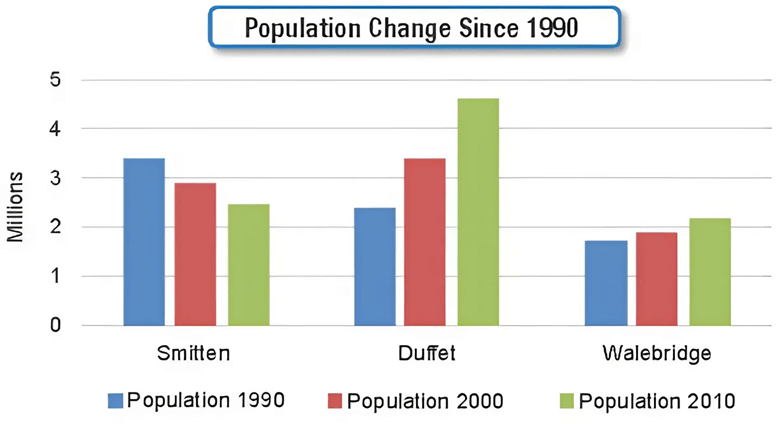
# Unit 7: Urbanization

**Giải Tiếng Anh lớp 12 Unit 7: Urbanization - ILearn Smart World**  
**Unit 7 Lesson 1 (trang 74, 75, 76, 77)**  
**Let's Talk! (trang 74 sgk Tiếng Anh 12 Smart World)**  
In pairs: Look at the pictures. How would you describe the place? What is needed to make life easier in such a place? (Nhìn vào những bức tranh. Bạn sẽ mô tả nơi này như thế nào? Cần phải làm gì để cuộc sống dễ dàng hơn ở một nơi như vậy?)  
  
**Gợi ý:**  
These places are very crowded and cramped.  
To make life easier in a crowded big city, prioritize efficient use of space with multifunctional furniture and embrace digital solutions for everyday tasks.  
**Hướng dẫn dịch:**  
Những nơi này rất đông đúc và chật chội.  
Để biến cuộc sống ở một thành phố lớn đông đúc trở nên dễ dàng hơn, hãy ưu tiên sử dụng không gian hiệu quả với nội thất đa chức năng và áp dụng các giải pháp kỹ thuật số cho công việc hàng ngày.  
  
**New Words (phần a->c trang 74 sgk Tiếng Anh 12 Smart World)**  
**a. Read the sentences and match the underlined words with the definitions. Listen and repeat.** (Đọc các câu và nối các từ được gạch chân với các định nghĩa. Lắng nghe và lặp lại.)  
  
  
  
  
1. Many s move to big cities so that they can get a better job or education.   
  
  
1 - a  
  
  
a. a person who moves from one place to another in order to find work or better living conditions  
  
  
  
  
2. The city needs to provide more so that people can find good places to live.   
  
  
   
  
  
b. the process of people moving from rural places to towns and cities, and the growth of towns and cities  
  
  
  
  
3. The is higher in cities than in the country because of all the apartment towers.   
  
  
   
  
  
c. houses, apartments, etc. that people live in, especially when talking about their type, price, or condition  
  
  
  
  
4. As cities grow, their land also increases and there's less space for wildlife.  
  
  
   
  
  
d. a system of electric wires or pipes carrying gas, for sending power over a large amount of land  
  
  
  
  
5. The city needs to the public transportation. The buses and trains are so old.  
  
  
   
  
  
e. the amount of space covered by a flat surface or piece of land, described as a measurement  
  
  
  
  
6. The power was out of service because the storm knocked down some wires.   
  
  
   
  
  
f. improve a machine or system, or replace it with a better one  
  
  
  
  
7. is increasing around the world. Lots of people are leaving small towns to live in big cities.  
  
  
   
  
  
g. the number of people living in a particular amount of space  
  
  
  
  
CD2-16  
**Đáp án:**  
  
  
  
  
1. a  
  
  
2. c  
  
  
3. g  
  
  
4. e  
  
  
5. f  
  
  
6. d  
  
  
7. b  
  
  
  
  
**Hướng dẫn dịch:**  
1. Nhiều chuyển đến các thành phố lớn để có thể kiếm được việc làm hoặc học tập tốt hơn.  
2. Thành phố cần cung cấp thêm để người dân có thể tìm được nơi ở tốt.  
3. ở thành phố cao hơn ở nông thôn vì có nhiều tòa tháp chung cư.  
4. Khi các thành phố phát triển, đất cũng tăng lên và có ít không gian hơn cho động vật hoang dã.  
5. Thành phố cần phương tiện giao thông công cộng. Xe buýt và xe lửa đã quá cũ.  
6. điện đã ngừng hoạt động do bão làm đứt một số dây điện.  
7. đang gia tăng trên toàn thế giới. Rất nhiều người đang rời bỏ các thị trấn nhỏ để đến sống ở các thành phố lớn.  
a. một người di chuyển từ nơi này đến nơi khác để tìm việc làm hoặc điều kiện sống tốt hơn  
b. quá trình người dân di chuyển từ nông thôn đến các thị trấn và thành phố, và sự phát triển của các thị trấn và thành phố  
c. nhà ở, căn hộ, v.v. nơi mọi người sinh sống, đặc biệt khi nói về loại, giá cả hoặc tình trạng của chúng  
d. một hệ thống dây điện hoặc ống dẫn khí đốt, để truyền tải điện trên một diện tích đất lớn  
e. phần không gian được bao phủ bởi một bề mặt phẳng hoặc một mảnh đất, là một phép đo  
f. cải tiến máy móc hoặc hệ thống hoặc thay thế nó bằng một cái tốt hơn  
g. số lượng người sống trong một khoảng không gian cụ thể  
**b. Add the words in the box to the table.** (Thêm các từ trong khung vào bảng.)  
  
  
  
  
  
power grid, housing, railroads, internet, education, public transportation,  
roads, police, health services, water supply, fire department  
  
  
  
  
  
   
  
  
  
  
**infrastructure**  
  
  
   
  
  
  
  
**services**  
  
  
   
  
  
  
  
**Đáp án:**  
  
  
  
  
**infrastructure**  
  
  
power grid, housing, railroads, internet, public transportation, roads, water supply  
  
  
  
  
**services**  
  
  
education, , police, health services, fire department  
  
  
  
  
**Hướng dẫn dịch:**  
  
  
  
  
**cơ sở hạ tầng**  
  
  
lưới điện, nhà ở, đường sắt, mạng nternet, giao thông công cộng, đường xá, hệ thống cấp nước  
  
  
  
  
**dịch vụ**  
  
  
giáo dục, cảnh sát, dịch vụ y tế, trạm cứu hỏa  
  
  
  
  
**c. In pairs: Use the new words to talk about urbanization in your country or the place where you live.** (Theo cặp: Sử dụng các từ mới để nói về quá trình đô thị hóa ở đất nước của bạn hoặc nơi bạn sống.)  
Lots of migrants came to our town from rural areas. (Rất nhiều người di cư đến thị trấn của chúng tôi từ các vùng nông thôn.)   
**Gợi ý:**  
In our rapidly urbanizing region, housing has become a critical concern due to increasing population density and limited land area.  
Efforts are underway to upgrade existing infrastructure, including the power grid and transportation systems, to accommodate the growing urban population.  
As urbanization progresses, balancing development with sustainable practices remains paramount to ensure a high quality of life for residents.  
**Hướng dẫn dịch:**  
Trong khu vực đô thị hóa nhanh chóng của chúng tôi, nhà ở đã trở thành mối quan tâm hàng đầu do mật độ dân số ngày càng tăng và diện tích đất đai hạn chế.  
Các nỗ lực đang được tiến hành để nâng cấp cơ sở hạ tầng hiện có, bao gồm mạng lưới điện và hệ thống giao thông, nhằm đáp ứng nhu cầu dân số đô thị ngày càng tăng.  
Khi quá trình đô thị hóa diễn ra, việc cân bằng giữa phát triển với các hoạt động bền vững vẫn là điều tối quan trọng để đảm bảo chất lượng cuộc sống cao cho người dân.  
  
**Listening (phần a->f trang 75 sgk Tiếng Anh 12 Smart World)**  
**a. You will hear two classmates discussing urbanization in different cities. What do you think the speakers will talk about? Add two more topics.** (Bạn sẽ nghe hai người bạn cùng lớp thảo luận về quá trình đô thị hóa ở các thành phố khác nhau. Bạn nghĩ họ sẽ nói về điều gì? Thêm hai chủ đề nữa.)  
1. (Dân số)  
2. \_\_\_\_\_\_\_\_  
3. \_\_\_\_\_\_\_\_  
**Đáp án:**  
2. Housing (Nhà ở)  
3. Infrastructure (Cơ sở hạ tầng)  
**Nội dung bài nghe:**  
Chrine: Hi, Steve.  
Steve: Hi, Chrine. Are you ready to prepare a presentation? We have to compare urbanization in two cities.  
Chrine: Yeah, I'm ready. I research Binton, and over the last 10 years, the population of Binton has increased by 2.2 million.  
Steve: Wow, that's quite a lot. Where do they come from?  
Chrine: They're mostly migrants from rural areas. So how about you? Which city did you learn about?  
Steve: I learn about Sloane. The population has increased to… let me see. The number of people in Sloane has gone up by 1.2 million. They're mostly migrants from other countries.  
Chrine: Has the population density increased?  
Steve: Yes, it's gone up by 15% from 1501 to 1726 people per square kilometer. How about Binton?  
Chrine: It's increased to from 3337 to 4171 people per square kilometer. That's about 25%. So how has housing changed in Sloane?  
Steve: Well, 35 new apartment buildings have been built in the last 10 years.  
Chrine: Oh, that's a lot. In Binton 28 new apartment buildings have been built.  
Steve: Okay, so has the infrastructure improved?  
Chrine: Yes, they've upgraded their power grid.  
Steve: They need to reduce congestion in Sloane and so they've added… just a second… 22 new bus routes and three subway lines.  
Chrine: Okay, so what do you think is the best way to manage urbanization?  
Steve: I think it's improving public transportation because it reduces the congestion and helps the environment too.  
Chrine: I think it's building new homes because having a home is the most important thing for a lot of people.  
**Hướng dẫn dịch:**  
Chrine: Chào Steve.  
Steve: Chào Chrine. Bạn đã sẵn sàng chuẩn bị bài thuyết trình chưa? Chúng ta phải so sánh quá trình đô thị hóa ở hai thành phố.  
Chrine: Ừ, tôi đã sẵn sàng. Tôi nghiên cứu về Binton và trong 10 năm qua, dân số Binton đã tăng 2,2 triệu người.  
Steve: Wow, khá là nhiều đấy. Họ đến từ đâu?  
Chrine: Họ chủ yếu là người di cư từ các vùng nông thôn. Vậy còn bạn thì sao? Bạn đã tìm hiểu về thành phố nào?  
Steve: Tôi tìm hiểu về Sloane. Dân số đã tăng lên đến mức… để tôi xem. Số người ở Sloane đã tăng thêm 1,2 triệu. Họ chủ yếu là người di cư từ các nước khác.  
Chrine: Mật độ dân số có tăng lên không?  
Steve: Có, nó đã tăng 15%, từ 1501 lên 1726 người/km2. Còn Binton thì sao?  
Chrine: Tăng từ 3337 lên 4171 người/km2, khoảng 25%. Vậy nhà ở ở Sloane đã thay đổi như thế nào?  
Steve: Chà, 35 tòa chung cư mới đã được xây dựng trong 10 năm qua.  
Chrine: Ồ, nhiều quá. Ở Binton, 28 tòa chung cư mới đã được xây dựng.  
Steve: Được rồi, cơ sở hạ tầng đã được cải thiện chưa?  
Chrine: Có, họ đã nâng cấp lưới điện.  
Steve: Họ cần giảm tắc nghẽn ở Sloane và vì vậy họ đã bổ sung thêm … đợi một lát… 22 tuyến xe buýt mới và ba tuyến tàu điện ngầm.  
Chrine: Được rồi, vậy bạn nghĩ cách tốt nhất để quản lý quá trình đô thị hóa là gì?  
Steve: Tôi nghĩ đó là cải thiện giao thông công cộng vì nó làm giảm ùn tắc và cũng có ích cho môi trường.  
Chrine: Tôi thì nghĩ đó là xây những ngôi nhà mới vì có một chỗ ở là điều quan trọng nhất đối với nhiều người.  
**b. Now, listen and circle the topics above that the classmates talk about. How many did you guess correctly?** (Bây giờ, hãy nghe và khoanh tròn các chủ đề trên mà các bạn cùng lớp nói đến. Bạn đã đoán đúng bao nhiêu?)  
CD2-17  
**Đáp án:**  
population, population density, housing, infrastructure, public transportation  
**Hướng dẫn dịch:**  
dân số, mật độ dân số, nhà ở, cơ sở hạ tầng, giao thông công cộng  
**c. Listen again and circle True or False.** (Nghe lại và khoanh tròn *True* - Đúng hoặc *False* - Sai.)  
  
  
  
  
1. 2.2 million people have moved to Binton in the last ten years.  
  
  
True  
  
  
False  
  
  
  
  
2. Lots of migrants have come to Sloane from rural areas.  
  
  
True  
  
  
False  
  
  
  
  
3. 25 new apartment buildings have been built in Sloane.  
  
  
True  
  
  
False  
  
  
  
  
4. The power grid has been upgraded in Binton.  
  
  
True  
  
  
False  
  
  
  
  
5. Steve thinks that building new houses is the best way for cities to manage urbanization.   
  
  
True  
  
  
False  
  
  
  
  
CD2-17  
**Đáp án:**  
  
  
  
  
1. True  
  
  
2. False  
  
  
3. False  
  
  
4. True  
  
  
5. False  
  
  
  
  
**Giải thích:**  
1. Thông tin: Chrine: Yeah, I'm ready. I research Binton, and over the last 10 years, the population of Binton has increased by 2.2 million. (Ừ, tôi đã sẵn sàng. Tôi nghiên cứu về Binton và trong 10 năm qua, dân số Binton đã tăng 2,2 triệu người.)  
2. Thông tin: Steve: I learn about Sloane. The population has increased to… let me see. The number of people in Sloane has gone up by 1.2 million. They're mostly migrants from other countries. (Tôi tìm hiểu về Sloane. Dân số đã tăng lên đến mức… để tôi xem. Số người ở Sloane đã tăng thêm 1,2 triệu. Họ chủ yếu là người di cư từ các nước khác.)  
3. Thông tin:  
Chrine: … So how has housing changed in Sloane? (… Vậy nhà ở ở Sloane đã thay đổi như thế nào?)  
Steve: Well, 35 new apartment buildings have been built in the last 10 years. (Chà, 35 tòa chung cư mới đã được xây dựng trong 10 năm qua.)  
4. Thông tin:  
Chrine: … In Binton 28 new apartment buildings have been built. (… Ở Binton, 28 tòa chung cư mới đã được xây dựng.)  
Steve: Okay, so has the infrastructure improved? (Được rồi, cơ sở hạ tầng đã được cải thiện chưa?)  
Chrine: Yes, they've upgraded their power grid. (Có, họ đã nâng cấp lưới điện.)  
5. Thông tin: Chrine: I think it's building new homes because having a home is the most important thing for a lot of people. (Chrine: Tôi thì nghĩ đó là xây những ngôi nhà mới vì có một chỗ ở là điều quan trọng nhất đối với nhiều người.)  
**Hướng dẫn dịch:**  
1. 2,2 triệu người đã chuyển đến Binton trong mười năm qua.  
2. Rất nhiều người di cư đến Sloane từ các vùng nông thôn.  
3. 25 tòa chung cư mới đã được xây dựng ở Sloane.  
4. Lưới điện ở Binton đã được nâng cấp.  
5. Steve cho rằng xây dựng các ngôi nhà mới là cách tốt nhất để các thành phố quản lý quá trình đô thị hóa.  
**d. Read the Conversation Skill box, then listen and repeat.** (Đọc bảng Kỹ năng hội thoại, sau đó nghe và lặp lại.)  
  
  
  
  
  
**Conversation Skill**  
**Showing hesitation**  
To get more time to think about what to say, use:  
*Let me see…*  
*Just a second…*  
  
  
  
  
  
CD2-18  
**Hướng dẫn dịch:**  
  
  
  
  
  
**Kỹ năng hội thoại**  
**Thể hiện sự do dự**  
Để có thêm thời gian suy nghĩ về những điều cần nói, hãy dùng:  
*Let me see… (Để tôi xem…)*  
*Just a second… (Đợi 1 lát…)*  
  
  
  
  
  
**e. Now, listen to the conversation again and number the phrases in the correct order.** (Bây giờ, nghe lại đoạn hội thoại và đánh số các cụm từ theo đúng thứ tự.)  
CD2-17  
**Đáp án:**  
1. Let me see…  
2. Just a second…  
**Hướng dẫn dịch:**  
1. Để tôi xem…  
2. Đợi 1 lát…  
**f. In pairs: Do you think urbanization is good or bad? Why?** (Theo cặp: Bạn nghĩ đô thị hóa là tốt hay xấu? Tại sao?)  
**Gợi ý:**  
A: Do you think urbanization is good or bad? Why?  
B: Well, it's a complex issue with both positive and negative aspects. On one hand, urbanization can bring economic growth, improved infrastructure, and increased access to services like healthcare and education. However, it also leads to challenges such as environmental degradation, overcrowding, and social inequalities.  
A: That's true. I can see how urbanization can offer opportunities for employment and better living standards, but it also puts a strain on resources and infrastructure. How do you think we can address these challenges?  
B: I believe a balanced approach is essential. We need urban planning that prioritizes sustainability, equitable access to resources, and community engagement. Investing in green infrastructure, promoting affordable housing, and supporting local businesses can help mitigate the negative impacts of urbanization while maximizing its benefits.  
A: I agree. It's crucial to consider the long-term consequences of urbanization and work towards creating cities that are livable, inclusive, and environmentally friendly.  
B: Absolutely. By taking a holistic approach and involving all stakeholders in the decision-making process, we can harness the potential of urbanization to create thriving and resilient communities.  
**Hướng dẫn dịch:**  
A: Bạn nghĩ đô thị hóa là tốt hay xấu? Tại sao?  
B: Chà, đây là một vấn đề phức tạp với cả khía cạnh tích cực và tiêu cực. Một mặt, đô thị hóa có thể mang lại tăng trưởng kinh tế, cải thiện cơ sở hạ tầng và tăng khả năng tiếp cận các dịch vụ như chăm sóc sức khỏe và giáo dục. Tuy nhiên, nó cũng dẫn đến những thách thức như suy thoái môi trường, tình trạng quá đông đúc và bất bình đẳng xã hội.  
A: Đúng vậy. Tôi có thể thấy đô thị hóa có thể mang lại cơ hội việc làm và mức sống tốt hơn như thế nào, nhưng nó cũng gây áp lực lên tài nguyên và cơ sở hạ tầng. Bạn nghĩ chúng ta có thể giải quyết những thách thức này như thế nào?  
B: Tôi tin rằng một cách tiếp cận cân bằng là điều cần thiết. Chúng ta cần quy hoạch đô thị ưu tiên tính bền vững, khả năng tiếp cận các nguồn tài nguyên một cách công bằng và sự tham gia của cộng đồng. Đầu tư vào cơ sở hạ tầng xanh, thúc đẩy nhà ở giá rẻ và hỗ trợ các doanh nghiệp địa phương có thể giúp giảm thiểu tác động tiêu cực của quá trình đô thị hóa, đồng thời tối đa hóa lợi ích của nó.  
A: Tôi đồng ý. Điều quan trọng là phải xem xét những hậu quả lâu dài của quá trình đô thị hóa và hướng tới việc tạo ra những thành phố đáng sống, hòa nhập và thân thiện với môi trường.  
B: Chắc chắn rồi. Bằng cách áp dụng cách tiếp cận toàn diện và thu hút sự tham gia của tất cả các bên liên quan vào quá trình ra quyết định, chúng ta có thể khai thác tiềm năng của quá trình đô thị hóa để tạo ra các cộng đồng thịnh vượng và kiên cường.  
  
**Grammar (phần a->e trang 75-76 sgk Tiếng Anh 12 Smart World)**  
**a. Read about the Present Perfect (Active and Passive), then fill in the blanks.** (Đọc về thì Hiện tại hoàn thành (Chủ động và Bị động), sau đó điền vào chỗ trống.)  
  
**Đáp án:**  
- How many new apartment buildings have they built in the last ten years?  
- 35 new apartment buildings have been built.  
**Hướng dẫn dịch:**  
- Họ đã xây dựng bao nhiêu tòa chung cư mới trong mười năm qua?  
- 35 tòa chung cư mới đã được xây dựng.  
  
  
  
  
**Thì Hiện tại hoàn thành (Chủ động và Bị động)**  
Chúng ta có thể dùng **thì Hiện tại hoàn thành** để:  
• diễn tả một hành động đã bắt đầu trong quá khứ và tiếp tục đến hiện tại.  
They**'ve lived** in this neighborhood for ten years. (Họ đã sống ở khu phố này được mười năm rồi.)  
• diễn tả một hành động đã xảy ra trong một khoảng thời gian nhưng chưa hoàn thành.  
They**'ve worked** on the new railway a lot this year but it still isn't finished. (Họ đã xây tuyến đường sắt mới rất lâu trong năm nay nhưng nó vẫn chưa hoàn thành.)  
• diễn tả một hành động đã hoàn thành gần đây và để lại kết quả ở hiện tại.  
They**'ve repaired** the bridge, so there's less traffic now. (Họ đã sửa chữa cây cầu nên bây giờ có ít xe cộ qua lại hơn.)  
• diễn tả một hành động gần đây đã xảy ra vào một thời điểm không xác định.  
The city **has opened** the new highway. (doesn't say when)  
(Thành phố đã mở đường cao tốc mới. (không nói rõ khi nào))  
• Khi chủ thể thực hiện hành động không quan trọng hoặc chúng ta không biết chủ thể thực hiện hành động là ai, ta có thể sử dụng thể bị động thay vì thể chủ động.  
Eight new roads **have been made** in the last ten years. (We don't know or it isn't important who made the roads.)  
Tám con đường mới đã được làm trong mười năm qua. (Chúng ta không biết ai làm đường hoặc việc ai làm đường không quan trọng.)  
  
  
  
  
**b. Listen and check. Listen again and repeat.** (Nghe và kiểm tra. Nghe lại và lặp lại.)  
CD2-19  
  
**Hướng dẫn dịch:**  
  
  
  
  
**Thì Hiện tại hoàn thành (Chủ động và Bị động)**  
  
  
  
  
   
  
  
**Chủ động**  
  
  
**Bị động**  
  
  
  
  
Thể khẳng định  
  
  
S + **have/has** + **PP** (+ O)  
• Millions of people **have moved** to the city. (Hàng triệu người đã chuyển đến thành phố.)  
  
  
S + **have/has** + **been** + **PP**  
• 35 new apartments **have been built**. (35 căn hộ mới đã được xây dựng.)  
  
  
  
  
Thể phủ định  
  
  
S + **have not/has not** + **PP** (+ O)  
• A lot of people **haven't seen** any changes. (Rất nhiều người chưa thấy có sự thay đổi nào.)  
  
  
S + **have not/has not** + **been** + **PP**  
• The road **hasn't been upgraded** recently. (Gần đây đường chưa được nâng cấp.)  
  
  
  
  
Thể nghi vấn với *wh*-  
  
  
**Wh-** + **have/has** + S + **PP** (+ O)?  
• **Who has** the city **helped** the most? (Thành phố đã giúp đỡ ai nhiều nhất?)  
  
  
**Wh-** + **have/has** + S + **been** + **PP**?  
• **Why have** the houses **been built** by the river? (Tại sao nhà cửa lại được xây bên sông?)  
  
  
  
  
Thể nghi vấn với trợ động từ  
  
  
**Have/Has** + S + **PP** (+ O)?  
• **Have** they **started** the planning process yet? (Họ đã bắt đầu quá trình quy hoạch chưa?)  
  
  
**Have/Has** + S + **been** + **PP**?  
• **Has** the power grid **been upgraded**? (Lưới điện đã được nâng cấp chưa?)  
  
  
  
  
**c. Circle the correct words.** (Khoanh vào từ đúng.)  
1. How long *have/has* you lived in the city for?  
2. Has your town *been/was* changed by urbanization?  
3. The city's land area *have/has* grown by 30 km2 in two years.  
4. The city's population density has *increase/increased* by 10%.  
5. How many new houses have been *build/built*?  
6. Thousands of people have *come/came* here looking for opportunities.  
7. A new apartment building *have/has* been built in my neighborhood.   
**Đáp án:**  
1. How long have you lived in the city for?  
2. Has your town been changed by urbanization?  
3. The city's land area has grown by 30 km2 in two years.  
4. The city's population density has increased by 10%.  
5. How many new houses have been built?  
6. Thousands of people have come here looking for opportunities.  
7. A new apartment building has been built in my neighborhood.  
**Hướng dẫn dịch:**  
1. Bạn sống ở thành phố được bao lâu rồi?  
2. Thị trấn của bạn có bị thay đổi bởi quá trình đô thị hóa không?  
3. Diện tích đất của thành phố đã tăng thêm 30 km2 trong hai năm.  
4. Mật độ dân số thành phố tăng thêm 10%.  
5. Có bao nhiêu ngôi nhà mới đã được xây dựng?  
6. Hàng nghìn người đã đến đây tìm kiếm cơ hội.  
7. Một tòa chung cư mới đã được xây dựng ở khu phố của tôi.  
**d. Write sentences in the Present Perfect using the prompts.** (Viết câu ở thì Hiện tại hoàn thành sử dụng các gợi ý.)  
1. last ten years/5 million migrants/arrive/city.  
\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_  
2. government/build 35 new apartment buildings/2005.  
\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_  
3. housing/this city/really improve/recently.  
\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_  
4. how many people/leave/the city/so far this year?  
\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_  
5. power grid/be/improve/yet?  
\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_  
6. city/have/three different mayors/last two years.   
\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_  
**Đáp án:**  
1. In the last ten years, 5 million migrants have arrived in the city.  
2. The government has built 35 new apartment buildings since 2005.  
3. The housing in this city has really improved recently.  
4. How many people have left the city so far this year?  
5. Has the power grid been improved yet?  
6. The city has had three different mayors in the last two years.  
**Hướng dẫn dịch:**  
1. Trong mười năm qua, năm triệu người di cư đã đến thành phố.  
2. Chính phủ đã xây dựng 35 tòa chung cư mới kể từ năm 2005.  
3. Nhà ở ở thành phố này gần đây đã thực sự được cải thiện.  
4. Tính đến thời điểm hiện tại, có bao nhiêu người đã rời thành phố trong năm nay?  
5. Lưới điện đã được cải thiện chưa?  
6. Thành phố đã có ba thị trưởng khác nhau trong hai năm qua.  
**e. In pairs: Make Present Perfect statements and questions using the prompts. Some sentences are in passive voice.** (Theo cặp: Đặt câu khẳng định và nghi vấn với thì Hiện tại Hoàn thành sử dụng gợi ý. Một số câu ở thể bị động.)  
  
  
  
  
  
• lots of migrants/come/city/last ten years • population/increase?  
• how much/population density/increase? • land area/double in size/last 100 years  
• power grid/upgrade/this year • what/they/work on/city/recently?  
  
  
  
  
  
Lots of migrants have come to the city in the last ten years. (Rất nhiều người di cư đã đến thành phố trong mười năm qua.)  
**Gợi ý:**  
2. Has the population increased?  
3. How much has the population density increased?  
4. The land area has doubled in size in the last 100 years.  
5. The power grid has been upgraded this year.  
6. What have they worked on in the city recently?  
**Hướng dẫn dịch:**  
2. Dân số có tăng không?  
3. Mật độ dân số đã tăng lên bao nhiêu?  
4. Diện tích đất đã tăng gấp đôi trong 100 năm qua.  
5. Lưới điện năm nay đã được nâng cấp.  
6. Gần đây họ đã làm gì ở thành phố?  
  
**Pronunciation (phần a->d trang 76 sgk Tiếng Anh 12 Smart World)**  
**a. When a word ends in a /t/ and the next word starts with a consonant, we often omit the /t/ sound.** (Khi một từ kết thúc bằng âm /t/ và từ tiếp theo bắt đầu bằng một phụ âm, chúng ta thường bỏ qua âm /t/.)  
**'... apartment building ...' sounds like** /əpɑːtmənbɪldɪŋ/. ('... apartment building ...' nghe giống như /əpɑːtmənbɪldɪŋ/.)  
**'... haven't built ...' sounds like** /'hævnbɪlt/. ('... haven't built ...' nghe giống như /'hævnbɪlt/.)  
**b. Listen. Notice the sound changes of the underlined letters.** (Nghe. Chú ý sự thay đổi âm thanh của các chữ cái được gạch chân.)   
A new apartmen building has been built in my neighborhood.  
The power grid hasn' been improved in the last five years.  
CD2-20  
**Hướng dẫn dịch:**  
Một tòa chung cư mới đã được xây dựng ở khu phố của tôi.  
Lưới điện đã không được cải thiện trong 5 năm qua.  
**c. Listen and cross out the sentence that doesn't follow the note in Task a.** (Nghe và gạch bỏ câu không tuân theo ghi chú ở Bài tập a.)  
They don't know who did it.  
The main street looks busy today.  
CD2-21  
**Đáp án:**  
They don't know who did it.  
**Hướng dẫn dịch:**  
Họ không biết ai đã làm điều đó.  
Con đường chính hôm nay có vẻ đông đúc.  
**d. Practice reading the sentences with the sound changes noted in Task a to a partner.** (Luyện đọc các câu có sự thay đổi âm thanh được ghi chú trong Bài tập a cho bạn cùng lớp.)  
  
**Practice (phần a->b trang 77 sgk Tiếng Anh 12 Smart World)**  
**a. Listen, then take turns asking and answering about what changes have happened in each city.** (Nghe, sau đó lần lượt hỏi và trả lời về những thay đổi đã xảy ra ở mỗi thành phố.)  
CD2-22  
- How much has the population in Timberlake increased by in the last ten years? (Dân số ở Timberlake đã tăng bao nhiêu trong mười năm qua?)  
- Let me see. It has increased by 2 million. (Để tôi xem. Nó đã tăng thêm 2 triệu người.)  
- How has housing changed in the last ten years? (Nhà ở đã thay đổi như thế nào trong 10 năm qua?)  
- They have built 20 new apartments. (Họ đã xây dựng được 20 căn hộ mới.)  
  
  
  
  
   
  
  
**Timberlake**  
**(2014 - 2024)**  
  
  
**Guijing**  
**(2019 - 2024)**  
  
  
**Landberg**  
**(2004 - 2024)**  
  
  
  
  
**Population**  
  
  
increased by 2 million  
  
  
increased by 1.8 million  
  
  
increased by 500 thousand  
  
  
  
  
**Population density**  
  
  
increased by 10%  
  
  
increased by 25%  
  
  
increased by 8%  
  
  
  
  
**Land area**  
  
  
increased by 5 km2  
  
  
increased by 4.5 km2  
  
  
increased by 1 km2  
  
  
  
  
**Housing**  
  
  
built 20 new apartments  
  
  
built 1,500 new houses  
  
  
built 150 beautiful mansions  
  
  
  
  
**Infrastructure**  
  
  
• improved public transportation  
• added 29 new bus routes  
  
  
• upgraded the power grid  
• built new power stations  
  
  
• improved roads  
   
• built 18 new roads  
   
  
  
  
  
**Đáp án:**  
A: Hey, have you heard about the changes in Timberlake over the past decade?  
B: Yeah, I heard there's been quite a transformation. The population increased by 2 million people!  
A: That's massive! Did they expand the city's infrastructure to accommodate the growth?  
B: Definitely! They improved public transportation and even added 29 new bus routes.  
A: Wow, that's impressive. Did they also work on expanding housing options?  
B: Absolutely, they built 20 new apartments to address the housing demand.  
A: Timberlake seems to be booming. Did they make any changes to the city's physical layout?  
B: Yes, they increased the land area by 5 square kilometers. The population density also went up by 10%.  
A: Sounds like Timberlake's been bustling with development. What about Guijing? Have you heard about any changes there?  
B: Guijing saw some significant changes too. The population increased by 1.8 million, and they built 1,500 new houses to accommodate the growth.  
A: That's substantial! Did they also work on infrastructure improvements?  
B: Absolutely, they upgraded the power grid and even built new power stations to support the increasing demand.  
A: With such rapid growth, I wonder how it's affected the city's layout.  
B: The land area increased by 4.5 square kilometers, and the population density shot up by 25%.  
A: Guijing seems to be on the rise as well. I wonder if Landberg has seen any changes over the years.  
B: That's a good question. Let’s see.  
**Hướng dẫn dịch:**  
A: Này, bạn đã nghe nói về những thay đổi ở Timberlake trong thập kỷ qua chưa?  
B: Có, tôi nghe nói đã có một sự chuyển biến khá lớn. Dân số tăng thêm 2 triệu người!  
A: Con số thật lớn! Họ có mở rộng cơ sở hạ tầng của thành phố để đáp ứng sự tăng trưởng không?  
B: Chắc chắn rồi! Họ cải thiện giao thông công cộng và thậm chí bổ sung thêm 29 tuyến xe buýt mới.  
A: Wow, thật ấn tượng. Họ cũng đang nỗ lực mở rộng các lựa chọn nhà ở phải không?  
B: Chắc chắn rồi, họ đã xây 20 căn hộ mới để đáp ứng nhu cầu nhà ở.  
A: Timberlake có vẻ đang bùng nổ. Họ có thực hiện bất kỳ thay đổi nào đối với cách quy hoạch thành phố không?  
B: Có, họ đã tăng diện tích đất thêm 5 km2. Mật độ dân số cũng tăng 10%.  
A: Có vẻ như Timberlake đang rất phát triển. Còn Guijing thì sao? Bạn có nghe nói về bất kỳ thay đổi nào ở đó không?  
B: Guijing cũng thay đổi đáng kể. Dân số tăng thêm 1,8 triệu người và họ đã xây dựng 1.500 ngôi nhà mới để đáp ứng sự tăng trưởng.  
A: Con số thật lớn! Họ cũng tập trung vào cải thiện cơ sở hạ tầng phải không?  
B: Chắc chắn rồi, họ đã nâng cấp lưới điện và thậm chí còn xây dựng các trạm điện mới để đáp ứng nhu cầu ngày càng tăng.  
A: Với sự tăng trưởng nhanh chóng như vậy, tôi tự hỏi nó ảnh hưởng thế nào đến quy hoạch của thành phố.  
B: Diện tích đất tăng thêm 4,5 km2 và mật độ dân số tăng 25%.  
A: Guijing dường như cũng đang trên đà phát triển. Tôi tự hỏi liệu Landberg có bất kỳ thay đổi nào trong những năm qua không.  
B: Đó là một câu hỏi hay. Cùng xem nào.  
**b. Practice with your own ideas.** (Luyện tập với ý tưởng của riêng bạn.)  
**Gợi ý:**  
A: Hey, have you ever wondered about the population and infrastructure in Paris?  
B: Actually, I haven't looked into it much. What's the population like there?  
A: Well, as of 2024, the population of Paris has been steadily growing. In 2014, it was around 2.24 million people, and it's estimated to have increased since then.  
B: That's quite a lot of people for a city. How about the population density?  
A: The population density in Paris is quite high, especially in the city center. With such a large population in a relatively small area, it can get pretty crowded, especially during peak times.  
B: I can imagine. What about the land area of Paris?  
A: Paris covers an area of about 105 square kilometers, which is relatively small compared to other major cities. Despite its compact size, Paris is densely populated and has a lot of buildings and infrastructure packed into its urban space.  
B: That's interesting. Speaking of buildings, how's the housing situation in Paris?  
A: Housing in Paris can be quite expensive, especially in the central arrondissements. There's high demand for housing, which has driven up prices and led to some challenges with affordability and availability, particularly for lower-income residents.  
B: That sounds tough. Is the infrastructure able to keep up with the growing population?  
A: Paris has a well-developed infrastructure, with an extensive public transportation system, including the metro, buses, and trains. However, there have been ongoing efforts to improve and expand infrastructure to accommodate the growing population and alleviate congestion in the city center.  
B: It's good to hear that they're working on improving infrastructure. Thanks for filling me in on all of this!  
A: No problem! Paris is a fascinating city with a lot of dynamics to its population and infrastructure.  
**Hướng dẫn dịch:**  
A: Này, bạn đã bao giờ thắc mắc về dân số và cơ sở hạ tầng ở Paris chưa?  
B: Thực ra thì tôi chưa nghiên cứu nhiều về nơi này. Dân số ở đó như thế nào?  
A: À, tính đến năm 2024, dân số Paris đã tăng đều đặn. Vào năm 2014, con số này là khoảng 2,24 triệu người và ước tính đã tăng lên kể từ đó.  
B: Khá đông đối với một thành phố. Mật độ dân số như thế nào?  
A: Mật độ dân số ở Paris khá cao, đặc biệt là ở trung tâm thành phố. Với dân số đông trong diện tích tương đối nhỏ như vậy, nơi đây có thể trở nên khá đông đúc, đặc biệt là trong thời gian cao điểm.  
B: Tôi có thể tưởng tượng ra điều đó. Còn diện tích đất Paris thì sao?  
A: Paris có diện tích khoảng 105 km2, tương đối nhỏ so với các thành phố lớn khác. Mặc dù có diện tích bé nhưng Paris có mật độ dân cư đông đúc và có rất nhiều tòa nhà cũng như cơ sở hạ tầng nằm trong không gian đô thị.  
B: Điều đó thật thú vị. Nhắc đến các tòa nhà, tình hình nhà ở ở Paris thế nào?  
A: Nhà ở ở Paris có thể khá đắt đỏ, đặc biệt là ở các quận trung tâm. Nhu cầu nhà ở cao đã đẩy giá nhà lên cao và dẫn đến một số thách thức về khả năng chi trả và nguồn cung nhà ở, đặc biệt đối với những người dân có thu nhập thấp.  
B: Nghe có vẻ khó khăn. Cơ sở hạ tầng có thể theo kịp với dân số ngày càng tăng không?  
A: Paris có cơ sở hạ tầng phát triển tốt với hệ thống giao thông công cộng rộng khắp, bao gồm tàu điện ngầm, xe buýt và xe lửa. Tuy nhiên, đã có những nỗ lực không ngừng nhằm cải thiện và mở rộng cơ sở hạ tầng nhằm đáp ứng nhu cầu dân số ngày càng tăng và giảm bớt tình trạng tắc nghẽn ở trung tâm thành phố.  
B: Thật tốt khi biết rằng họ đang nỗ lực cải thiện cơ sở hạ tầng. Cảm ơn vì đã cho tôi biết thông tin về tất cả những điều này!  
A: Không vấn đề gì! Paris là một thành phố hấp dẫn với nhiều động lực về dân số và cơ sở hạ tầng.  
  
**Speaking (phần a->c trang 77 sgk Tiếng Anh 12 Smart World)**  
URBANIZATION IN THE LAST TEN YEARS  
**a. You're doing research for a project about how different cities manage urbanization. In pairs: Student B, p124, File 4. Student A, ask Student B about Ironside and make notes in the table.** (Bạn đang nghiên cứu cho một dự án về cách các thành phố khác nhau quản lý quá trình đô thị hóa. Làm theo cặp: Học sinh B, trang 124, File 4. Học sinh A, hỏi Học sinh B về Ironside và ghi chú vào bảng.)  
  
  
  
  
**In the last 10 years**  
  
  
  
  
**Stonebridge**  
  
  
**Ironside**  
  
  
  
  
Population: +2.2 million  
Population density: +15%  
Land area: +5 km2  
Housing:  
 • +23 new apartment buildings  
 • +1,800 new houses  
Infrastructure:  
• 12 new roads built  
• 34 projects to upgrade power grid  
  
  
Population: +\_\_\_\_\_\_ million  
Population density: + \_\_\_\_\_\_%  
Land area: +\_\_\_\_\_\_ km2  
Housing:  
• +\_\_\_\_\_\_ new apartment buildings  
• +\_\_\_\_\_\_ new houses  
Infrastructure:  
•\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_  
•\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_  
  
  
  
  
**Gợi ý:**  
  
  
  
  
**In the last 10 years**  
  
  
  
  
**Stonebridge**  
  
  
**Ironside**  
  
  
  
  
Population: +2.2 million  
Population density: +15%  
Land area: +5 km2  
Housing:  
 • +23 new apartment buildings  
 • +1,800 new houses  
Infrastructure:  
• 12 new roads built  
• 34 projects to upgrade power grid  
  
  
Population: +1.2 million  
Population density: +18%  
Land area: +3.5km2  
Housing:  
• +30 new apartment buildings  
• +1,650 new houses  
Infrastructure:  
• internet speed improved by 43%  
• public transportation improved (38 more bus routes)  
  
  
  
  
A: Hey, have you looked into Ironside for our urbanization project?  
B: Not yet, what changes have you found?  
A: Well, over the past few years, Ironside has seen quite a bit of growth. The population increased by 1.2 million people!  
B: That's significant! Did they manage to accommodate the influx of people?  
A: Yes, they did. They built 30 new apartment buildings and 1650 new houses.  
B: Impressive! Did they also work on improving infrastructure to support the growing population?  
A: Absolutely, they upgraded the internet speed by 43% and enhanced public transportation by adding 38 more bus routes.  
B: It sounds like Ironside has been proactive in managing urbanization. I wonder how these changes have impacted the city's layout.  
A: That's a good point. It would be interesting to delve deeper into how urbanization has shaped Ironside's development over the years.  
**Hướng dẫn dịch:**  
  
  
  
  
**Trong 10 năm qua**  
  
  
  
  
**Stonebridge**  
  
  
**Ironside**  
  
  
  
  
Dân số: +2,2 triệu người  
Mật độ dân số: +15%  
Diện tích đất: +5 km2  
Nhà ở:  
 • +23 tòa chung cư mới  
 • +1.800 ngôi nhà mới  
Cơ sở hạ tầng:  
• 12 tuyến đường mới được xây dựng  
• 34 dự án nâng cấp lưới điện  
  
  
Dân số: +1,2 triệu người  
Mật độ dân số: +18%  
Diện tích đất: +3,5 km2  
Nhà ở:  
• +30 tòa chung cư mới  
• +1.650 ngôi nhà mới  
Cơ sở hạ tầng:  
• tốc độ internet được cải thiện 43%  
• giao thông công cộng được cải thiện (thêm 38 tuyến xe buýt)  
  
  
  
  
A: Này, bạn đã nghiên cứu Ironside cho dự án đô thị hóa của chúng ta chưa?  
B: Chưa, bạn đã tìm thấy những thay đổi gì rồi?  
A: Chà, trong vài năm qua, Ironside đã có sự tăng trưởng khá lớn. Dân số tăng thêm 1,2 triệu người!  
B: Con số thật lớn! Họ có xoay sở để đủ chỗ ở cho người dân không?  
A: Có. Họ đã xây dựng 30 tòa chung cư mới và 1.650 ngôi nhà mới.  
B: Thật ấn tượng! Họ có nỗ lực cải thiện cơ sở hạ tầng để hỗ trợ dân số ngày càng tăng không?  
A: Chắc chắn rồi, họ đã nâng cấp tốc độ Internet lên 43% và cải thiện giao thông công cộng bằng cách bổ sung thêm 38 tuyến xe buýt.  
B: Có vẻ như Ironside đã chủ động quản lý quá trình đô thị hóa. Tôi tự hỏi những thay đổi này đã tác động như thế nào đến quy hoạch của thành phố.  
A: Đó là ý hay. Sẽ rất thú vị nếu tìm hiểu sâu hơn về cách đô thị hóa đã định hình sự phát triển của Ironside trong những năm qua.  
**b. Swap roles and repeat. Student A, answer Student B's questions about Stonebridge.** (Đổi vai và lặp lại. Học sinh A trả lời các câu hỏi của Học sinh B về Stonebridge.)  
**Gợi ý:**  
Student B: Have you had a chance to research Stonebridge for our project on urbanization?  
Student A: Yes, I have. Stonebridge has experienced significant growth over the past few years.  
Student B: How so?  
Student A: Well, the population increased by 2.2 million people, which is quite substantial.  
Student B: With such a large increase, did they manage to provide enough housing?  
Student A: Yes, they did. Stonebridge constructed 23 new apartment buildings and 1,800 new houses to accommodate the growing population.  
Student B: That's impressive. Did they also focus on improving infrastructure to support this growth?  
Student A: Absolutely, they built 12 new roads to enhance connectivity and initiated 34 projects to upgrade the power grid.  
Student B: It sounds like Stonebridge has been proactive in managing its urbanization. Did these changes affect the city's layout significantly?  
Student A: Definitely. The land area increased by 5 square kilometers, and the population density went up by 15%.  
Student B: It would be interesting to explore how these changes have shaped the city's development and the quality of life for its residents.  
Student A: Absolutely, understanding the impact of urbanization on cities like Stonebridge can provide valuable insights for future urban planning initiatives.  
**Hướng dẫn dịch:**  
Học sinh B: Bạn đã nghiên cứu Stonebridge cho dự án đô thị hóa của chúng ta chưa?  
Học sinh A: Rồi. Stonebridge đã tăng trưởng đáng kể trong vài năm qua.  
Học sinh B: Cụ thể như thế nào?  
Học sinh A: Chà, dân số đã tăng thêm 2,2 triệu người, một con số khá đáng kể.  
Học sinh B: Với mức tăng lớn như vậy, liệu họ có cung cấp đủ nhà ở không?  
Học sinh A: Có. Stonebridge đã xây dựng 23 tòa chung cư mới và 1.800 ngôi nhà mới để đáp ứng nhu cầu dân số ngày càng tăng.  
Học sinh B: Thật ấn tượng. Họ cũng tập trung vào việc cải thiện cơ sở hạ tầng để hỗ trợ sự tăng trưởng này chứ?  
Học sinh A: Chắc chắn rồi, họ đã xây dựng 12 con đường mới để tăng cường kết nối và khởi xướng 34 dự án nâng cấp lưới điện.  
Học sinh B: Có vẻ như Stonebridge đã chủ động quản lý quá trình đô thị hóa của mình. Những thay đổi này có ảnh hưởng đáng kể đến quy hoạch của thành phố không?  
Học sinh A: Chắc chắn rồi. Diện tích đất tăng thêm 5 km2 và mật độ dân số tăng 15%.  
Học sinh B: Sẽ rất thú vị khi tìm hiểu những thay đổi này đã định hình sự phát triển của thành phố và chất lượng cuộc sống của người dân thành phố như thế nào.  
Học sinh A: Đúng vậy, hiểu được tác động của quá trình đô thị hóa đối với các thành phố như Stonebridge có thể cung cấp những hiểu biết sâu sắc có giá trị cho các sáng kiến quy hoạch đô thị trong tương lai.  
**c. What changes do you think should be made where you live? Why?** (Bạn nghĩ nên thực hiện những thay đổi nào ở nơi bạn sống? Tại sao?)  
I think building new roads is a great idea because the roads here are too small. (Tôi nghĩ xây dựng những con đường mới là một ý tưởng hay vì đường xá ở đây quá nhỏ.)  
**Gợi ý:**  
In Hanoi, I think prioritizing infrastructure development and affordable housing initiatives while adopting sustainable urban planning practices can alleviate congestion, support economic growth, and improve living standards for urban residents.  
**Hướng dẫn dịch:**  
Ở Hà Nội, tôi nghĩ ưu tiên phát triển cơ sở hạ tầng và các sáng kiến nhà ở giá rẻ đồng thời áp dụng các biện pháp quy hoạch đô thị bền vững có thể giảm bớt tắc nghẽn, hỗ trợ tăng trưởng kinh tế và cải thiện mức sống cho người dân đô thị.  
**Unit 7 Lesson 2 (trang 78, 79, 80, 81)**  
**Let's Talk! (trang 78 sgk Tiếng Anh 12 Smart World)**  
In pairs: Look at the pictures. What problems can you see? What do you think can cause problems like these? (Theo cặp: Quan sát các bức tranh. Bạn có thể thấy những vấn đề gì? Bạn nghĩ điều gì có thể gây ra những vấn đề như thế này?)  
  
**Gợi ý:**  
Picture 1: Traffic jams cause a lot of vehicle emissions. This can caused by reliance on fossil fuels, particularly gasoline and diesel, in combustion engines.  
Picture 2: Next to the shanty houses is a polluted river. This can caused by inadequate waste management practices, including improper disposal of garbage and untreated sewage, which contaminate the water with pollutants and toxins.  
Picture 3: A lot of people are waiting for the subway. This can caused by insufficient capacity to meet the demand, stemming from factors such as limited infrastructure, inadequate frequency of trains, or delays in the service due to technical issues or overcrowding.  
Picture 4: A beggar is asking for money. This can caused by economic hardship, including poverty, unemployment, or lack of access to basic resources and social support systems, which compel individuals to seek assistance through begging as a means of survival.  
**Hướng dẫn dịch:**  
Hình 1: Ùn tắc giao thông gây ra nhiều khí thải xe cộ. Điều này có thể do sự phụ thuộc vào nhiên liệu hóa thạch, đặc biệt là xăng và dầu diesel trong động cơ đốt trong.  
Hình 2: Bên cạnh những ngôi nhà lụp xụp là dòng sông ô nhiễm. Điều này có thể do việc quản lý chất thải không đầy đủ, bao gồm việc xử lý rác thải không đúng cách và nước thải chưa được xử lý, làm ô nhiễm nước với các chất ô nhiễm và chất độc.  
Hình 3: Rất nhiều người đang chờ tàu điện ngầm. Điều này có thể do sức chứa không đủ để đáp ứng nhu cầu, xuất phát từ các yếu tố như cơ sở hạ tầng hạn chế, tần suất tàu không đủ hoặc dịch vụ bị chậm trễ do vấn đề kỹ thuật hoặc quá tải.  
Hình 4: Một người ăn xin đang xin tiền. Điều này có thể do khó khăn kinh tế, bao gồm nghèo đói, thất nghiệp hoặc thiếu khả năng tiếp cận các nguồn lực cơ bản và hệ thống hỗ trợ xã hội, buộc các cá nhân phải tìm kiếm sự trợ giúp thông qua ăn xin như một phương tiện sinh tồn.  
  
**New Words (phần a->c trang 78 sgk Tiếng Anh 12 Smart World)**  
**a. Read the words and definitions, then fill in the blanks. Listen and repeat.** (Đọc các từ và định nghĩa, sau đó điền vào chỗ trống. Lắng nghe và lặp lại.)  
**poverty:** the state of being extremely poor  
**fine:** money that you must pay when you break a rule  
**living wage:** enough money (from a job) for a person to afford the things that they need in order to live  
**inequality:** a situation in which some groups in a society have more advantages than others  
**slum:** a crowded area where very poor people live in tow-quality housing  
**sanitation:** the service of keeping things clean enough not to damage people's health  
**healthcare:** the activity or business of providing medical services  
1. The people who live in the next to the river are very poor and live in terrible conditions.  
2. I like my job because it pays me a \_\_\_\_\_\_\_, and I can have a comfortable life.  
3. I had to pay a \_\_\_\_\_\_\_ when the police caught me throwing trash into the river.  
4. This area is very dirty because there aren't any \_\_\_\_\_\_\_ services.  
5. The cost of living is very high in the city, so \_\_\_\_\_\_\_ is becoming a problem.  
6. This city has very rich and very poor people living next to each other, so \_\_\_\_\_\_\_ is a big problem.  
7. If people get sick today, its not as bad as before because there are more modern \_\_\_\_\_\_\_ services available.   
CD2-23  
**Đáp án:**  
  
  
  
  
2. living wage  
  
  
3. fine  
  
  
4. sanitation  
  
  
  
  
5. poverty  
  
  
6. inequality  
  
  
7. healthcare  
  
  
  
  
**Hướng dẫn dịch:**  
**nghèo đói:** tình trạng cực kỳ nghèo khổ  
**tiền phạt:** số tiền bạn phải trả khi vi phạm quy định  
**mức lương đủ sống:** đủ tiền (từ một công việc) để một người có thể trang trải những thứ họ cần để sống  
**bất bình đẳng:** tình trạng một số nhóm người trong xã hội có nhiều lợi thế hơn những nhóm người khác  
**khu ổ chuột:** khu vực đông đúc nơi người dân rất nghèo sống trong những ngôi nhà tồi tàn  
**vệ sinh:** dịch vụ giữ mọi thứ đủ sạch sẽ để không ảnh hưởng đến sức khỏe con người  
**chăm sóc sức khỏe:** hoạt động hoặc kinh doanh cung cấp dịch vụ y tế  
1. Những người sống ở cạnh sông rất nghèo và sống trong điều kiện tồi tệ.  
2. Tôi thích công việc của mình vì nó trả cho tôi và tôi có thể có một cuộc sống thoải mái.  
3. Tôi đã phải nộp khi bị cảnh sát bắt gặp vứt rác xuống sông.  
4. Khu vực này rất bẩn vì không có dịch vụ .  
5. Chi phí sinh hoạt ở thành phố rất cao nên đang trở thành một vấn đề.  
6. Thành phố này có những người rất giàu và rất nghèo sống cạnh nhau nên là một vấn đề lớn.  
7. Ngày nay nếu mọi người bị bệnh, mọi chuyện sẽ không tệ như trước vì có nhiều dịch vụ chăm sóc sức khỏe hiện đại hơn.  
**b. Add the words in the box to the table.** (Xếp các từ trong khung vào bảng.)  
  
  
  
  
living wage, sanitation, unemployment, poverty, slum, overcrowding, entertainment, inequality, healthcare, education, diseases, crime, employment opportunities  
  
  
  
  
   
  
  
  
  
**good things**  
  
  
   
  
  
  
  
**bad things**  
  
  
   
  
  
  
  
**Đáp án:**  
  
  
  
  
**good things**  
  
  
employment opportunities, entertainment, healthcare, education, living wage, sanitation  
  
  
  
  
**bad things**  
  
  
poverty, unemployment, slum, overcrowding, inequality, diseases, crime  
  
  
  
  
**Hướng dẫn dịch:**  
  
  
  
  
**mặt tốt**  
  
  
cơ hội việc làm, giải trí, chăm sóc sức khỏe, giáo dục, mức lương đủ sống, vệ sinh  
  
  
  
  
**mặt xấu**  
  
  
nghèo đói, thất nghiệp, khu ổ chuột, tình trạng quá tải, bất bình đẳng, bệnh tật, tội phạm  
  
  
  
  
**c. In pairs: Use the new words to talk about problems that cities can have.** (Theo cặp: Sử dụng những từ mới để nói về những vấn đề mà thành phố có thể gặp phải.)  
- Sanitation is a problem in some cities because they are too crowded. (Vệ sinh là một vấn đề ở một số thành phố vì những nơi này quá đông dân.)  
- There are many slums in some cities because of urbanization. (Có rất nhiều khu ổ chuột ở một số thành phố do quá trình đô thị hóa.)  
**Gợi ý:**  
- Poverty remains a pressing issue in many communities, depriving individuals of basic necessities and opportunities for advancement.  
- I had to pay a fine when the police caught me breaking a traffic rule.  
- Earning a living wage is essential for ensuring that workers can support themselves and their families without struggling to make ends meet.  
- Inequality persists in society, creating disparities in access to resources and opportunities based on factors such as income, race, and gender.  
- Access to quality healthcare services is essential for promoting well-being and addressing medical needs within communities.  
**Hướng dẫn dịch:**  
- Nghèo đói vẫn là một vấn đề cấp bách ở nhiều cộng đồng, tước đi những nhu cầu cơ bản và cơ hội thăng tiến của nhiều cá nhân.  
- Tôi đã phải nộp tiền phạt khi bị cảnh sát bắt vì vi phạm luật giao thông.  
- Kiếm được mức lương đủ sống là điều cần thiết để đảm bảo rằng người lao động có thể nuôi sống bản thân và gia đình mà không phải vật lộn để kiếm sống.  
- Bất bình đẳng vẫn tồn tại trong xã hội, tạo ra sự chênh lệch trong khả năng tiếp cận các nguồn lực và cơ hội dựa trên các yếu tố như thu nhập, chủng tộc và giới tính.  
- Tiếp cận các dịch vụ chăm sóc sức khỏe chất lượng là điều cần thiết để nâng cao phúc lợi và giải quyết các nhu cầu y tế trong cộng đồng.  
  
**Reading (phần a->d trang 79 sgk Tiếng Anh 12 Smart World)**  
**a. Read the article about urbanization. Which problem is NOT mentioned? Choose the correct answer.** (Đọc bài viết về đô thị hóa. Vấn đề nào KHÔNG được đề cập? Chọn câu trả lời đúng.)  
1. dangerous roads (những con đường nguy hiểm)  
2. trash (rác thải)  
3. high cost of living (chi phí sinh hoạt cao)  
Urbanization is the movement of people from the country to cities and the growth of urban areas. It happens because there are often more opportunities in cities. However, when a city's population grows too quickly, it causes problems. Here are a few problems caused by urbanization and some ideas to solve them.  
**Poverty:** Urban areas have a higher cost of living, which means many people have to live in slums. These areas have high crime rates and only basic sanitation, and the people living there often have no access to healthcare. A solution for these issues would be to increase the number of social workers and police and have them provide service to these areas. A better, but more expensive one, would be to remove all the old buildings and houses, and have the city government build better quality, low-cost housing.  
**Pollution:** Large populations create lots of waste. This can be too much for sanitation services to handle, so some areas can get very dirty. One option is to have volunteers clean up these places and have more trash cans installed. Another might be to have police give large fines to people who throw litter on the ground.  
**Traffic:** People in cities often use private cars to get to work and school. This leads to heavy road and causes lots of air pollution. To solve this problem, many cities don't let people drive private vehicles in the city center. This can reduce the amount of traffic by making people use public transportation.  
In conclusion, urbanization can cause a lot of problems for people living in cities. Poor living standards, unclean environments, and congested traffic are just some of the issues. Solving the problems of urbanization is one of the biggest challenges for modern society.  
**Đáp án:**  
1. dangerous roads (những con đường nguy hiểm)  
**Hướng dẫn dịch:**  
Đô thị hóa là việc người dân di chuyển từ nông thôn lên các thành phố và sự phát triển của các khu đô thị. Điều này xảy ra bởi vì ở các thành phố thường có nhiều cơ hội hơn. Tuy nhiên, khi dân số ở thành phố tăng quá nhanh, nó sẽ gây ra nhiều vấn đề. Dưới đây là một số vấn đề do đô thị hóa gây ra và một số ý tưởng để giải quyết chúng.   
**Nghèo đói:** Khu vực thành thị có chi phí sinh hoạt cao hơn, đồng nghĩa với việc nhiều người phải sống trong các khu ổ chuột. Những khu vực này có tỷ lệ tội phạm cao và điều kiện vệ sinh chỉ ở mức cơ bản, và người dân sống ở đó thường không được tiếp cận với dịch vụ chăm sóc sức khỏe. Giải pháp cho những vấn đề này là tăng số lượng nhân viên xã hội và cảnh sát và để họ công tác ở những khu vực này. Một giải pháp tốt hơn nhưng tốn kém hơn là dỡ bỏ tất cả các tòa nhà và nhà ở cũ, đồng thời yêu cầu chính quyền thành phố xây dựng nhà ở giá rẻ, chất lượng tốt hơn.  
**Ô nhiễm:** Dân số đông tạo ra nhiều rác thải. Điều này có thể gây áp lực lên các dịch vụ vệ sinh, vì vậy một số khu vực có thể rất bẩn. Một giải pháp là nhờ các tình nguyện viên dọn dẹp những nơi này và đặt thêm thùng rác. Một giải pháp khác có thể là yêu cầu cảnh sát phạt nặng những người vứt rác bừa bãi.  
**Giao thông:** Người dân ở thành phố thường sử dụng ô tô riêng để đi làm và đi học. Điều này dẫn đến tình trạng ùn tắc giao thông đường bộ nghiêm trọng và gây ô nhiễm không khí nặng. Để giải quyết vấn đề này, nhiều thành phố không cho người dân lái xe tư nhân vào trung tâm thành phố. Điều này có thể làm giảm lưu lượng giao thông bằng cách khuyến khích mọi người sử dụng phương tiện giao thông công cộng.  
Tóm lại là, đô thị hóa có thể gây ra nhiều vấn đề cho người dân sống ở thành thị. Mức sống kém, môi trường ô nhiễm và tắc nghẽn giao thông chỉ là một vài trong số nhiều vấn đề. Giải quyết vấn đề đô thị hóa là một trong những thách thức lớn nhất đối với xã hội hiện đại.  
**b. Now, read and choose the correct answers.** (Bây giờ, đọc và chọn đáp án đúng.)  
1. According to paragraph 1, urbanization happens because \_\_\_\_\_\_\_.  
A. the population increases too fast  
B. there are usually better-paid jobs in the city  
C. people move to the country  
2. Which of the following can be inferred from paragraph 3?  
A. People need rules and services to keep cities clean.  
B. Most people don't litter.  
C. People like volunteering to help.  
3. The word in paragraph 4 is closest in meaning to \_\_\_\_\_\_\_.  
A. difficulty in breathing  
B. cities  
C. traffic jams  
4. Which of the following can be inferred from the passage?  
A. Problems will disappear as cities grow.  
B. Governments have a lot of work to do.  
C. Governments want to stop urbanization.  
5. Which of the following is NOT true according to the passage?  
A. There is inequality in city life.  
B. Cities only have small problems.  
C. The city offers a better quality of life than the country.  
**Đáp án:**  
  
  
  
  
1. B  
  
  
2. A  
  
  
3. C  
  
  
4. B  
  
  
5. B  
  
  
  
  
**Giải thích:**  
1. Thông tin: Urbanization is the movement of people from the country to cities and the growth of urban areas. It happens because there are often more opportunities in cities. (Đô thị hóa là việc người dân di chuyển từ nông thôn lên các thành phố và sự phát triển của các khu đô thị. Điều này xảy ra bởi vì ở các thành phố thường có nhiều cơ hội hơn.)  
2. Thông tin: Large populations create lots of waste. This can be too much for sanitation services to handle, so some areas can get very dirty. One option is to have volunteers clean up these places and have more trash cans installed. Another might be to have police give large fines to people who throw litter on the ground. (Dân số đông tạo ra nhiều rác thải. Điều này có thể gây áp lực lên các dịch vụ vệ sinh, vì vậy một số khu vực có thể rất bẩn. Một giải pháp là nhờ các tình nguyện viên dọn dẹp những nơi này và đặt thêm thùng rác. Một giải pháp khác có thể là yêu cầu cảnh sát phạt nặng những người vứt rác bừa bãi.)  
3. Thông tin: People in cities often use private cars to get to work and school. This leads to heavy road and causes lots of air pollution. (Người dân ở thành phố thường sử dụng ô tô riêng để đi làm và đi học. Điều này dẫn đến tình trạng đường bộ nghiêm trọng và gây ô nhiễm không khí nặng.)  
4. Thông tin: In conclusion, urbanization can cause a lot of problems for people living in cities. Poor living standards, unclean environments, and congested traffic are just some of the issues. Solving the problems of urbanization is one of the biggest challenges for modern society. (Tóm lại là, đô thị hóa có thể gây ra nhiều vấn đề cho người dân sống ở thành thị. Mức sống kém, môi trường ô nhiễm và tắc nghẽn giao thông chỉ là một vài trong số nhiều vấn đề. Giải quyết vấn đề đô thị hóa là một trong những thách thức lớn nhất đối với xã hội hiện đại.)  
5. Thông tin: In conclusion, urbanization can cause a lot of problems for people living in cities. Poor living standards, unclean environments, and congested traffic are just some of the issues. (Tóm lại là, đô thị hóa có thể gây ra nhiều vấn đề cho người dân sống ở thành thị. Mức sống kém, môi trường ô nhiễm và tắc nghẽn giao thông chỉ là một vài trong số nhiều vấn đề.)  
**Hướng dẫn dịch:**  
1. Theo đoạn 1, đô thị hóa xảy ra vì \_\_\_\_\_\_\_.  
A. dân số tăng quá nhanh  
B. thường có những công việc được trả lương cao hơn ở thành phố  
C. người dân di chuyển đến vùng nông thôn  
2. Điều nào sau đây có thể được suy ra từ đoạn 3?  
A. Mọi người cần các quy định và dịch vụ để giữ cho thành phố sạch sẽ.  
B. Hầu hết mọi người không xả rác.  
C. Mọi người thích tình nguyện giúp đỡ.  
3. Từ ở đoạn 4 có nghĩa gần nhất với \_\_\_\_\_\_\_.  
A. khó thở  
B. các thành phố  
C. sự ùn tắc giao thông  
4. Điều nào sau đây có thể được suy ra từ bài văn?  
A. Các vấn đề sẽ biến mất khi các thành phố phát triển.  
B. Chính phủ có rất nhiều việc phải làm.  
C. Chính phủ muốn ngừng đô thị hóa.  
5. Điều nào sau đây KHÔNG đúng theo bài văn?  
A. Có sự bất bình đẳng trong cuộc sống đô thị.  
B. Các thành phố chỉ có những vấn đề nhỏ.  
C. Thành phố có chất lượng cuộc sống tốt hơn ở nông thôn.  
**c. Listen and read.** (Nghe và đọc.)  
CD2-24  
**d. In pairs: Can you think of any more problems caused by urbanization?** (Làm theo cặp: Bạn có thể nghĩ ra thêm vấn đề nào khác do đô thị hóa gây ra không?)  
**Gợi ý:**  
A: Besides poor living standards, unclean environments, and congested traffic, urbanization brings about various other challenges as well.  
B: Absolutely, increased urbanization often leads to a strain on infrastructure such as water and sanitation systems. Many cities struggle to provide adequate access to clean water and proper waste management services, resulting in pollution and health hazards.  
A: Definitely, and let's not forget about the loss of green spaces and biodiversity due to urban expansion. As cities grow, natural habitats are often destroyed to make room for buildings and roads, disrupting ecosystems and diminishing the quality of the environment.  
B: That's true. And urbanization can also exacerbate social issues such as homelessness and inequality. Rapid urban growth can lead to gentrification, pushing out low-income residents and widening the gap between the rich and the poor.  
A: Right, and with the increasing concentration of people in cities, there's also a higher risk of social tensions and conflicts arising. This can manifest in various forms, including crime rates and social unrest, especially in areas with inadequate infrastructure and limited access to basic services.  
B: Absolutely, these are significant challenges that require careful planning and management to address effectively. Balancing the benefits of urbanization with its potential drawbacks is essential for creating sustainable and livable cities for all residents.  
A: Agreed. It's crucial for policymakers and urban planners to prioritize inclusive and equitable development strategies that promote environmental sustainability, social cohesion, and economic prosperity in urban areas.  
**Hướng dẫn dịch:**  
A: Bên cạnh mức sống kém, môi trường ô nhiễm và giao thông tắc nghẽn, quá trình đô thị hóa còn mang đến nhiều thách thức khác.  
B: Chắc chắn rồi, quá trình đô thị hóa gia tăng thường gây ra áp lực lên cơ sở hạ tầng như hệ thống nước và vệ sinh. Nhiều thành phố gặp khó khăn trong việc cung cấp đủ nước sạch và các dịch vụ quản lý chất thải phù hợp, dẫn đến ô nhiễm và nguy hiểm cho sức khỏe.  
A: Chắc chắn rồi, và đừng quên việc mất không gian xanh và đa dạng sinh học do mở rộng đô thị. Khi các thành phố phát triển, môi trường sống tự nhiên thường bị phá hủy để nhường chỗ cho các tòa nhà và đường sá, phá vỡ hệ sinh thái và làm giảm chất lượng môi trường.  
B: Đúng vậy. Và đô thị hóa cũng có thể làm trầm trọng thêm các vấn đề xã hội như tình trạng vô gia cư và bất bình đẳng. Tăng trưởng đô thị nhanh chóng có thể dẫn đến quá trình quy hoạch lại, đẩy cư dân có thu nhập thấp ra ngoài và làm gia tăng khoảng cách giàu nghèo.  
A: Đúng vậy, và với sự tập trung ngày càng tăng của người dân ở các thành phố, nguy cơ căng thẳng và xung đột xã hội nảy sinh cũng cao hơn. Điều này có thể biểu hiện dưới nhiều hình thức khác nhau, bao gồm tỷ lệ tội phạm và tình trạng bất ổn xã hội, đặc biệt là ở những khu vực có cơ sở hạ tầng không đầy đủ và khả năng tiếp cận các dịch vụ cơ bản bị hạn chế.  
B: Chắc chắn rồi, đây là những thách thức quan trọng đòi hỏi phải lập kế hoạch và quản lý cẩn thận để giải quyết một cách hiệu quả. Cân bằng lợi ích của đô thị hóa với những hạn chế tiềm tàng của nó là điều cần thiết để tạo ra những thành phố bền vững và đáng sống cho mọi người dân.  
A: Đồng ý. Điều quan trọng đối với các nhà hoạch định chính sách và quy hoạch đô thị là ưu tiên các chiến lược phát triển toàn diện và công bằng nhằm thúc đẩy sự bền vững về môi trường, gắn kết xã hội và thịnh vượng kinh tế ở khu vực thành thị.  
  
**Grammar (phần a->e trang 79-80 sgk Tiếng Anh 12 Smart World)**  
**a. Read about causatives (Active and Passive), then fill in the blanks.** (Đọc về Câu sai khiến (Chủ động và Bị động), sau đó điền vào chỗ trống.)  
  
**Đáp án:**  
- We shouldn’t let people drive cars in the city.  
- Yes, banning cars will make people use public transportation.   
**Hướng dẫn dịch:**  
- Chúng ta không nên để mọi người lái xe trong thành phố.  
- Đúng vậy, cấm ô tô sẽ khiến mọi người phải sử dụng phương tiện giao thông công cộng.  
  
  
  
  
**Câu sai khiến (Chủ động và Bị động)**  
Chúng ta sử dụng câu sai khiến để nói ai khiến ai hoặc cái gì làm điều gì đó.  
• **Chủ động:** Chúng ta sử dụng câu sai khiến khi muốn nhấn mạnh người thực hiện hành động. Chúng ta có thể sử dụng các động từ: **have**, **get**, **let** và **make**.  
We should **have** **companies build** green roofs. (We should ask them to do this.)  
(Chúng ta nên yêu cầu các công ty xây dựng mái nhà xanh. (Chúng ta nên yêu cầu họ làm điều này.))  
They will **get people to pick up** trash. (They will persuade them to do this.)  
(Họ sẽ nhờ người đi nhặt rác. (Họ sẽ thuyết phục họ làm điều này.))  
The government shouldn't **let people build** slums. (The government shouldn't allow this.)  
(Chính phủ không nên để người dân xây dựng khu ổ chuột. (Chính phủ không nên cho phép điều này.))  
The city should **make people use** the subway in the city center. (The city should force them to use this.)  
(Thành phố nên buộc người dân sử dụng tàu điện ngầm ở trung tâm thành phố. (Thành phố nên buộc họ sử dụng phương tiện này.))  
• **Bị động:** Chúng ta sử dụng câu sai khiến khi không muốn nhấn mạnh người thực hiện hành động. Chúng ta có thể sử dụng động từ: **have** và **get**.  
We should **have** the park **cleaned up**. (The focus is on the park being cleaned up, not who will do it.)  
(Chúng ta nên dọn dẹp công viên. (Phần được nhấn mạnh là việc công viên được dọn dẹp chứ không phải là người sẽ làm việc đó.))  
  
  
  
  
**b. Listen and check. Listen again and repeat.** (Nghe và kiểm tra. Nghe lại và lặp lại.)  
CD2-25  
  
**Hướng dẫn dịch:**  
  
  
  
  
• **have/let/make** + O (chỉ người, số ít/nhiều) + **V nguyên thể**.  
We should **have** helpers **clean up** the skims. (Chúng ta nên nhờ người giúp dọn dẹp lớp váng.)  
We shouldn't **let** the residents **do** all the work. (Chúng ta không nên để cư dân làm tất cả công việc.)  
How can we **make** people **use** the subway? (Làm thế nào chúng ta có thể khiến mọi người sử dụng tàu điện ngầm?)  
• **get** + O (chỉ người, số ít/nhiều) + **to-V**.  
Can we **get** police officers **to fine** people? (Chúng ta có thể nhờ cảnh sát phạt tiền mọi người không?)  
• **have/get** + O (chỉ vật, số ít/nhiều) + **PP** (+ by O)  
We should **have** the slums **cleaned up** by city workers. (Chúng ta nên nhờ công nhân thành phố dọn dẹp các khu ổ chuột.)  
We should **get** more factories **built**. (Chúng ta nên xây dựng nhiều nhà máy hơn.)  
Can we **have** the buses **fixed**? (Chúng ta có thể nhờ sửa xe buýt được không?)  
When can we **get** the problem **solved**? (Khi nào chúng ta có thể giải quyết được vấn đề?)  
  
  
  
  
**c. Underline the mistakes and write the correct words on the lines.** (Gạch dưới những lỗi sai và viết những từ đúng vào dòng.)  
1. I don't think we should let people built slums. \_\_\_\_\_\_\_\_\_  
2. We should let some new trash cans installed in the city center. \_\_\_\_\_\_\_\_\_  
3. I think that we need to have the streets clean up. \_\_\_\_\_\_\_\_\_  
4. We should make all companies paid a living wage. \_\_\_\_\_\_\_\_\_  
5. Let's have some volunteers to clean up the park. \_\_\_\_\_\_\_\_\_  
6. We should get the police gave larger fines to people. \_\_\_\_\_\_\_\_\_  
7. If we have new roads build, it will reduce congestion. \_\_\_\_\_\_\_\_\_  
**Đáp án:**  
1. built → build  
2. let → get/have  
3. clean → cleaned  
4. paid → pay  
5. have → get/to clean up → clean up  
6. gave → to give  
7. build → built  
**Hướng dẫn dịch:**  
1. Tôi không nghĩ chúng ta nên để người ta xây khu ổ chuột.  
2. Chúng ta nên đặt một số thùng rác mới ở trung tâm thành phố.  
3. Tôi nghĩ chúng ta cần dọn dẹp đường phố.  
4. Chúng ta nên yêu cầu tất cả các công ty phải trả mức lương đủ sống.  
5. Hãy nhờ vài tình nguyện viên dọn dẹp công viên.  
6. Chúng ta nên yêu cầu cảnh sát phạt nặng hơn đối với người dân.  
7. Nếu chúng ta xây đường mới, nó sẽ giảm tắc nghẽn.  
**d. Fill in the blanks with the correct form of the verbs in the box.** (Điền vào chỗ trống dạng đúng của động từ trong khung.)  
  
  
  
  
  
fine (phạt) clean up (dọn dẹp) live (sống)  
build (xây) play (chơi) provide (cung cấp) pick up (nhặt)  
  
  
  
  
  
1. The sidewalks are really dirty. We should get them \_\_\_\_\_\_\_.  
2. We can't make people \_\_\_\_\_\_\_ trash in other peoples neighborhoods. It's not fair to them.  
3. It's so noisy in my neighborhood at night. They shouldn't let people \_\_\_\_\_\_\_ loud music after 9 p.m.  
4. Can we get the government \_\_\_\_\_\_\_ free bicycles to residents to improve the traffic problem?  
5. The mayor is going to have police officers \_\_\_\_\_\_\_ people for littering in the streets.  
6. We have so many resources available today that we shouldn't let anyone \_\_\_\_\_\_\_ in poverty.  
7. The government should have more houses \_\_\_\_\_\_\_ because the population is rising so quickly.   
**Đáp án:**  
1. The sidewalks are really dirty. We should get them .  
2. We can't make people trash in other people's neighborhoods. It's not fair to them.  
3. It's so noisy in my neighborhood at night. They shouldn't let people loud music after 9 p.m.  
4. Can we get the government free bicycles to residents to improve the traffic problem?  
5. The mayor is going to have police officers people for littering in the streets.  
6. We have so many resources available today that we shouldn't let anyone in poverty.  
7. The government should have more houses because the population is rising so quickly.  
**Hướng dẫn dịch:**  
1. Vỉa hè thực sự bẩn. Chúng ta nên dọn dẹp chúng.  
2. Chúng ta không thể bắt mọi người nhặt rác ở khu vực lân cận của người khác. Thật không công bằng với họ.  
3. Khu phố của tôi rất ồn ào vào ban đêm. Họ không nên để mọi người mở nhạc lớn sau 9 giờ tối.  
4. Chúng ta có thể yêu cầu chính phủ cung cấp xe đạp miễn phí cho người dân để cải thiện vấn đề giao thông không?  
5. Thị trưởng sẽ yêu cầu cảnh sát phạt tiền những người xả rác trên đường phố.  
6. Ngày nay chúng ta có rất nhiều nguồn lực nên chúng ta không nên để bất cứ ai phải sống trong cảnh nghèo đói.  
7. Chính phủ nên xây thêm nhà cửa vì dân số đang tăng quá nhanh.  
**e. In pairs: Say how a city should be improved using the prompts below.** (Theo cặp: Cho biết nên cải thiện thành phố như thế nào bằng cách sử dụng các gợi ý bên dưới.)  
volunteers/clean up/beach  
trash cans/install/near/school  
not/let/companies/create too much waste  
make/people/take the bus  
I think that we should get volunteers to clean up the beach. (Tôi nghĩ chúng ta nên cử tình nguyện viên dọn dẹp bãi biển.)  
**Gợi ý:**  
To improve the city, we should have trash cans installed near schools to encourage proper waste disposal among students.  
Additionally, regulations should be enforced to not let companies create too much waste, promoting sustainability and reducing environmental impact.  
Measures should be implemented to make people take the bus, such as improving public transportation infrastructure and providing incentives for bus usage, to alleviate traffic congestion and reduce pollution.  
**Hướng dẫn dịch:**  
Để cải thiện thành phố, chúng ta nên đặt thùng rác gần trường học để khuyến khích học sinh vứt rác đúng cách.  
Ngoài ra, cần thực thi các quy định để không để các công ty tạo ra quá nhiều chất thải, thúc đẩy tính bền vững và giảm tác động đến môi trường.  
Cần thực hiện các biện pháp để khuyến khích người dân đi xe buýt, chẳng hạn như cải thiện cơ sở hạ tầng giao thông công cộng và khuyến khích sử dụng xe buýt, nhằm giảm bớt tắc nghẽn giao thông và giảm ô nhiễm.  
  
**Pronunciation (phần a->d trang 80 sgk Tiếng Anh 12 Smart World)**  
**a. When we say 'should', we often use the weak form** /ʃəd/. **He should go.** /hiʃədɡoʊ/ (Khi chúng ta phát âm 'should', chúng ta thường sử dụng dạng yếu /ʃəd/. Anh ấy nên đi. /hiʃədɡoʊ/)  
**b. Listen. Notice the sound changes of the underlined words.** (Nghe. Chú ý sự thay đổi âm thanh của các từ được gạch chân.)  
Cities help solve this problem by making people use public transportation.  
They have workers clean up the park.  
CD2-26  
**Hướng dẫn dịch:**  
Các thành phố nên giúp giải quyết vấn đề này bằng cách khuyến khích người dân sử dụng phương tiện giao thông công cộng.  
Họ nên có công nhân dọn dẹp công viên.  
**c. Listen and cross out the sentence that doesn't follow the note in Task a.** (Nghe và gạch bỏ câu không tuân theo ghi chú ở Bài tập a.)  
People should do more to help keep their city clean.  
They should fine people for littering in the park.  
CD2-27  
**Đáp án:**  
They should fine people for littering in the park.  
**Hướng dẫn dịch:**  
Mọi người nên làm nhiều hơn để giúp giữ cho thành phố của họ sạch sẽ.  
Họ nên phạt tiền những người xả rác trong công viên.  
**d. Practice reading the sentences with the sound changes noted in Task a to a partner.** (Luyện đọc các câu có sự thay đổi âm thanh được ghi chú trong Bài tập a cho bạn cùng lớp.)  
  
**Practice (phần a->b trang 81 sgk Tiếng Anh 12 Smart World)**  
**a. Listen, then take turns asking and answering about how to solve the problems below using the prompts.** (Nghe, sau đó lần lượt hỏi và trả lời về cách giải quyết các vấn đề dưới đây bằng cách sử dụng gợi ý.)  
CD2-28  
- Hi, Danh. How can we reduce air pollution in our city? (Chào Danh. Làm thế nào chúng ta có thể giảm ô nhiễm không khí trong thành phố của chúng ta?)  
- Hmm ...We should make people ride bicycles. (Hmm ...Chúng ta nên bắt mọi người đi xe đạp.)  
- Good idea! And we shouldn't let them drive cars. (Ý hay đấy! Và chúng ta không nên cho phép họ lái ô tô.)  
  
**Gợi ý:**  
Person 1: How do you think we can address the issue of air pollution in our city?  
Person 2: Well, one solution could be to make people ride bicycles and not let people drive cars. This would reduce emissions and improve air quality.  
Person 1: That's a good idea. What about tackling unemployment?  
Person 2: We could let people study for free to increase their skills and employability. Additionally, having a new mall built could create job opportunities in retail and construction sectors.  
Person 1: That makes sense. Another problem we need to address is poor sanitation. Any thoughts on that?  
Person 2: We should have trash cans installed in public areas to encourage proper waste disposal. Also, we could make people pay fines for littering to deter littering behavior and keep our city clean.  
Person 1: Agreed. What about overcrowding? It seems like our city is becoming too crowded.  
Person 2: We could have new apartment buildings built to provide more housing options and alleviate overcrowding. Additionally, having businesses invest in rural areas could help decentralize population growth.  
Person 1: That could work. Lastly, what should we do about water pollution?  
Person 2: We should make companies pay fines for polluting rivers to deter harmful practices. We could also have volunteers clean up rivers regularly to maintain water quality.  
Person 1: Sounds like a comprehensive approach. Lastly, how can we tackle traffic congestion?  
Person 2: We should have roads made wider to accommodate more vehicles and reduce congestion. Additionally, having a subway system built could provide an alternative mode of transportation, easing traffic congestion on the roads.  
**Hướng dẫn dịch:**  
Người 1: Bạn nghĩ chúng ta có thể giải quyết vấn đề ô nhiễm không khí ở thành phố như thế nào?  
Người 2: Chà, một giải pháp có thể là buộc mọi người đi xe đạp và không cho phép họ lái ô tô. Điều này sẽ làm giảm lượng khí thải và cải thiện chất lượng không khí.  
Người 1: Đó là một ý tưởng hay. Còn việc giải quyết tình trạng thất nghiệp thì sao?  
Người 2: Chúng ta có thể cho phép mọi người học miễn phí để nâng cao kỹ năng và cơ hội việc làm của mình. Ngoài ra, việc xây dựng một trung tâm mua sắm mới có thể tạo ra cơ hội việc làm trong lĩnh vực bán lẻ và xây dựng.  
Người 1: Hợp lý. Một vấn đề khác chúng ta cần giải quyết là vệ sinh kém. Bạn có suy nghĩ gì về điều đó không?  
Người 2: Chúng ta nên đặt thùng rác ở các khu vực công cộng để khuyến khích việc xả rác đúng nơi quy định. Ngoài ra, chúng ta có thể yêu cầu mọi người nộp phạt nếu xả rác để ngăn chặn hành vi xả rác và giữ cho thành phố của chúng ta sạch sẽ.  
Người 1: Đồng ý. Còn tình trạng dân cư quá đông thì sao? Có vẻ như thành phố của chúng ta đang trở nên quá đông đúc.  
Người 2: Chúng ta có thể xây dựng các tòa chung cư mới để cung cấp nhiều lựa chọn nhà ở hơn và giảm bớt tình trạng quá tải. Ngoài ra, yêu cầu các doanh nghiệp đầu tư vào khu vực nông thôn có thể giúp phi tập trung hóa sự tăng trưởng dân số.  
Người 1: Điều đó có thể có hiệu quả. Cuối cùng, chúng ta nên làm gì về ô nhiễm nguồn nước?  
Người 2: Chúng ta nên bắt các công ty nộp phạt vì gây ô nhiễm các dòng sông để ngăn chặn các hành vi có hại. Chúng ta cũng có thể nhờ tình nguyện viên thường xuyên làm sạch sông để duy trì chất lượng nước.  
Người 1: Nghe có vẻ là một cách tiếp cận toàn diện. Cuối cùng, làm thế nào chúng ta có thể giải quyết tắc nghẽn giao thông?  
Người 2: Chúng ta nên làm đường rộng hơn để chứa được nhiều phương tiện hơn và giảm tắc nghẽn. Ngoài ra, xây dựng hệ thống tàu điện ngầm có thể cung cấp một phương thức vận tải thay thế, giảm bớt tắc nghẽn giao thông trên đường.  
**b. Practice with your own ideas.** (Thực hành với ý tưởng của riêng bạn.)  
**Gợi ý:**  
A: Hey, B, have you noticed how the gap between the rich and the poor seems to be widening due to rapid urbanization?  
B: Absolutely, A. It's concerning to see how some areas in our city thrive with prosperity while others struggle with poverty.  
A: Exactly. I think we need to address this issue seriously. Do you have any ideas on how we could bridge this gap?  
B: Well, one approach could be to invest more in education and vocational training programs for the underprivileged communities. This would empower them with the skills needed to access better job opportunities and improve their socio-economic status.  
A: That sounds promising. Education is definitely key to breaking the cycle of poverty. But what about affordable housing? The skyrocketing prices in urban areas make it almost impossible for low-income families to find decent accommodation.  
B: You're right, A. Providing affordable housing options should be a priority. We could incentivize developers to include affordable housing units in their projects or allocate more land for subsidized housing initiatives.  
A: Additionally, I think creating more job opportunities in various sectors within the city could help distribute wealth more evenly. We could encourage the establishment of small businesses and startups in underserved neighborhoods.  
B: Agreed. By promoting entrepreneurship and economic diversification, we can stimulate growth in marginalized communities and reduce dependency on a few dominant industries.  
**Hướng dẫn dịch:**  
A: Này, B, bạn có nhận thấy khoảng cách giàu nghèo dường như ngày càng tăng do quá trình đô thị hóa nhanh chóng không?  
B: Chắc chắn rồi, A. Thật đáng lo ngại khi thấy một số khu vực trong thành phố của chúng ta phát triển thịnh vượng trong khi những khu vực khác lại phải vật lộn với nghèo đói.  
A: Chính xác. Tôi nghĩ chúng ta cần giải quyết vấn đề này một cách nghiêm túc. Bạn có ý tưởng nào về cách chúng ta có thể thu hẹp khoảng cách này không?  
B: Có, một cách tiếp cận có thể là đầu tư nhiều hơn vào các chương trình giáo dục và đào tạo nghề cho các cộng đồng có hoàn cảnh khó khăn. Điều này sẽ trao cho họ những kỹ năng cần thiết để tiếp cận các cơ hội việc làm tốt hơn và cải thiện tình trạng kinh tế xã hội của họ.  
A: Nghe có vẻ đầy hứa hẹn. Giáo dục chắc chắn là chìa khóa để phá vỡ vòng tròn nghèo đói. Nhưng còn nhà ở giá rẻ thì sao? Giá cả tăng vọt ở khu vực thành thị khiến các gia đình thu nhập thấp gần như không thể tìm được chỗ ở tươm tất.  
B: Bạn nói đúng, A. Việc cung cấp các lựa chọn nhà ở giá cả phải chăng phải là ưu tiên hàng đầu. Chúng tôi có thể khuyến khích các nhà phát triển đưa các đơn vị nhà ở giá rẻ vào dự án của họ hoặc phân bổ nhiều đất hơn cho các sáng kiến nhà ở được trợ cấp.  
A: Ngoài ra, tôi nghĩ việc tạo ra nhiều cơ hội việc làm hơn trong các lĩnh vực khác nhau trong thành phố có thể giúp phân phối của cải đồng đều hơn. Chúng ta có thể khuyến khích thành lập các doanh nghiệp nhỏ và công ty khởi nghiệp ở những khu dân cư chưa được phục vụ đầy đủ.  
B: Đồng ý. Bằng cách thúc đẩy tinh thần kinh doanh và đa dạng hóa kinh tế, chúng ta có thể kích thích tăng trưởng ở các cộng đồng bị thiệt thòi và giảm sự phụ thuộc vào một số ngành công nghiệp thống trị.  
  
**Speaking (phần a->b trang 81 sgk Tiếng Anh 12 Smart World)**  
HOW CAN WE SOLVE IT?  
**a. You're city planners working at City Hall discussing urbanization problems. In pairs: Think of three problems caused by urbanization and discuss things that you should have people and companies in the city do. Add your best ideas to the table below.** (Bạn là những nhà quy hoạch thành phố đang làm việc tại Tòa thị chính để thảo luận về các vấn đề đô thị hóa. Theo cặp: Hãy nghĩ về ba vấn đề do đô thị hóa gây ra và thảo luận những điều mà bạn nên yêu cầu người dân và các công ty trong thành phố thực hiện. Thêm những ý tưởng hay nhất của bạn vào bảng dưới đây.)  
  
  
  
  
**Problems**  
  
  
**Solutions**  
  
  
  
  
   
  
  
   
  
  
  
  
   
  
  
   
  
  
  
  
   
  
  
   
  
  
  
  
**Gợi ý:**  
  
  
  
  
**Problems**  
  
  
**Solutions**  
  
  
  
  
traffic congestion  
  
  
encourage people to carpool or use public transportation more often  
  
  
  
  
increasing pollution  
  
  
have companies implement stricter environmental regulations and invest in cleaner technologies to reduce their emissions  
  
  
  
  
lack of green spaces and parks  
  
  
prioritize creating more parks and green areas within the city to improve air quality and provide recreational spaces for residents  
  
  
  
  
Person 1: Urbanization brings about several challenges, doesn't it? I think one major issue is traffic congestion.  
Person 2: Absolutely, the traffic here is getting unbearable. Maybe we could encourage people to carpool or use public transportation more often.  
Person 1: That's a great idea. And what about the increasing pollution in the city?  
Person 2: It's definitely a concern. Perhaps we could have companies implement stricter environmental regulations and invest in cleaner technologies to reduce their emissions.  
Person 1: Agreed. Another problem is the lack of green spaces and parks in our city.  
Person 2: Yes, that's true. We should prioritize creating more parks and green areas within the city to improve air quality and provide recreational spaces for residents.  
Person 1: Absolutely. It seems like promoting sustainable transportation, reducing pollution from companies, and increasing green spaces could significantly improve the quality of life in our city.  
Person 2: Definitely. Implementing these ideas could make our city cleaner, greener, and more livable for everyone.  
**Hướng dẫn dịch:**  
  
  
  
  
**Vấn đề**  
  
  
**Giải pháp**  
  
  
  
  
ùn tắc giao thông  
  
  
khuyến khích mọi người đi chung xe hoặc sử dụng phương tiện giao thông công cộng thường xuyên hơn  
  
  
  
  
ô nhiễm ngày càng tăng  
  
  
yêu cầu các công ty thực hiện các quy định môi trường chặt chẽ hơn và đầu tư vào công nghệ sạch hơn để giảm lượng khí thải  
  
  
  
  
thiếu không gian xanh và công viên  
  
  
ưu tiên tạo thêm công viên, mảng xanh trong thành phố để cải thiện chất lượng không khí và mang lại không gian giải trí cho người dân  
  
  
  
  
Người 1: Đô thị hóa mang lại nhiều thách thức phải không? Tôi nghĩ một vấn đề lớn là tắc nghẽn giao thông.  
Người 2: Chắc chắn rồi, giao thông ở đây ngày càng khó chịu. Có lẽ chúng ta có thể khuyến khích mọi người đi chung xe hoặc sử dụng phương tiện giao thông công cộng thường xuyên hơn.  
Người 1: Đó là một ý tưởng tuyệt vời. Thế còn tình trạng ô nhiễm ngày càng tăng trong thành phố thì sao?  
Người 2: Đó chắc chắn là một mối lo ngại. Có lẽ chúng ta có thể yêu cầu các công ty thực hiện các quy định chặt chẽ hơn về môi trường và đầu tư vào các công nghệ sạch hơn để giảm lượng khí thải.  
Người 1: Đồng ý. Một vấn đề khác là thiếu không gian xanh và công viên trong thành phố của chúng ta.  
Người 2: Ừ, đúng vậy. Chúng ta nên ưu tiên tạo thêm nhiều công viên, mảng xanh trong thành phố để cải thiện chất lượng không khí và cung cấp không gian giải trí cho người dân.  
Người 1: Chắc chắn rồi. Có vẻ như việc thúc đẩy giao thông bền vững, giảm ô nhiễm từ các công ty và tăng không gian xanh có thể cải thiện đáng kể chất lượng cuộc sống trong thành phố của chúng ta.  
Người 2: Chắc chắn rồi. Việc thực hiện những ý tưởng này có thể làm cho thành phố của chúng ta sạch hơn, xanh hơn và dễ sống hơn cho mọi người.  
**b. Join another pair. Share your problems and solutions. Which ideas would improve the city the most? Why?** (Tham gia một cặp khác. Chia sẻ vấn đề và giải pháp của bạn. Ý tưởng nào sẽ cải thiện thành phố nhiều nhất? Tại sao?)  
**Gợi ý:**  
Encouraging people to carpool or use public transportation more often would have the most significant impact on improving the city by alleviating traffic congestion and reducing pollution from vehicles.  
**Hướng dẫn dịch:**  
Khuyến khích mọi người đi chung xe hoặc sử dụng phương tiện giao thông công cộng thường xuyên hơn sẽ có tác động đáng kể nhất trong việc cải thiện thành phố bằng cách giảm bớt tắc nghẽn giao thông và giảm ô nhiễm từ các phương tiện giao thông.  
**Unit 7 Lesson 3 (trang 82, 83, 84)**  
**Let's Talk! (trang 82 sgk Tiếng Anh 12 Smart World)**  
In pairs: Look at the pictures. What problems with overpopulation can you see? How could they be solved? (Theo cặp: Quan sát các bức tranh. Bạn có thể thấy vấn đề gì với tình trạng quá tải dân số? Chúng có thể được giải quyết bằng cách nào?)  
  
**Gợi ý:**  
Picture 1: There was a lot of trash in the bin, and they even fell out. To solve this problem, we can increase the frequency of trash collection and educate residents about proper waste disposal and encourage them to recycle and compost whenever possible.  
Picture 2: A homeless person is lying down. To solve this problem, we can provide access to affordable housing, mental health services.  
**Hướng dẫn dịch:**  
Bức tranh 1: Trong thùng có rất nhiều rác, thậm chí còn rơi ra ngoài. Để giải quyết vấn đề này, chúng ta có thể tăng tần suất thu gom rác và giáo dục người dân về cách xử lý rác thải đúng cách, đồng thời khuyến khích họ tái chế và làm phân trộn bất cứ khi nào có thể.  
Bức tranh 2: Một người vô gia cư đang nằm. Để giải quyết vấn đề này, chúng ta có thể cung cấp khả năng tiếp cận nhà ở giá phải chăng, dịch vụ sức khỏe tâm thần.  
  
**Listening (phần a->c trang 82 sgk Tiếng Anh 12 Smart World)**  
**a. Listen to someone talking about overpopulation. Does the speaker believe overpopulation is a problem that can be managed?** (Hãy nghe ai đó nói về tình trạng quá tải dân số. Diễn giả có tin rằng dân số quá đông là một vấn đề có thể giải quyết được không?)  
CD2-29  
**Đáp án:**  
Yes, he does. Because he also suggests some solutions to manage overpopulation.  
**Hướng dẫn dịch:**  
Có. Bởi vì ngài ấy cũng đề xuất một số giải pháp để quản lý tình trạng quá tải dân số.  
**Nội dung bài nghe:**  
MC: Everyone welcome Professor Tate. He's here to talk about overpopulation.  
Professor: Thank you. Many people believe overpopulation is the biggest problem on our planet. The population of the world is continuing to increase. In 1960 the world's population was around 3 billion people. In 2020, it was just under 8 billion people. That is over two and a half times more people in just 60 years living on the planet that can't get any bigger. These changes are very clear in urban areas where populations have risen the most. In 1960, only about 34% of people lived in urban areas, while in 2020, around 56% of people lived in urban areas. This percentage is still increasing. The United Nations said that they believe 68% of people will live in urban areas by 2050. An increased urban population means that these urban areas need to develop an upgrade quickly. The increased population will likely cause issues with transportation, energy, sanitation, education, housing, food production, health care, and much more. But all hope is not lost. There are things we can do. A lot of infrastructure will need to be built, such as roads, railways, schools, and hospitals. Laws and rules will also likely need to change due to the increase in population. For example, maybe families will only be allowed to own a single car, or people won't be allowed to drive in certain areas to help reduce traffic. New jobs are…  
**Hướng dẫn dịch:**  
Người dẫn chương trình: Mọi người hãy chào mừng Giáo sư Tate. Ngài ấy có mặt ở đây để nói về tình trạng quá tải dân số.  
Giáo sư: Cảm ơn mọi người. Nhiều người tin rằng dân số quá đông là vấn đề lớn nhất trên hành tinh của chúng ta. Dân số thế giới đang tiếp tục tăng. Năm 1960 dân số thế giới là khoảng 3 tỷ người. Năm 2020, con số này chỉ dưới 8 tỷ người. Chỉ trong vòng 60 năm, dân số đã tăng gấp hơn 2,5 lần trong khi diện tích đất không đổi. Những thay đổi này thể hiện rất rõ ràng ở các khu vực thành thị, nơi dân số tăng nhanh nhất. Năm 1960, chỉ có khoảng 34% dân số sống ở thành thị thì năm 2020 con số này đã tăng lên khoảng 56%. Tỷ lệ phần trăm này vẫn đang tăng lên. Liên Hợp Quốc cho biết họ tin rằng 68% người dân sẽ sống ở khu vực thành thị vào năm 2050. Dân số thành thị tăng đồng nghĩa với việc các khu đô thị này cần được nâng cấp nhanh chóng. Dân số tăng lên có thể sẽ gây ra các vấn đề về giao thông, năng lượng, vệ sinh, giáo dục, nhà ở, sản xuất lương thực, chăm sóc sức khỏe, v.v. Nhưng không phải mọi hy vọng đều mất. Có những điều chúng ta có thể làm. Rất nhiều cơ sở hạ tầng sẽ cần được xây dựng, chẳng hạn như đường bộ, đường sắt, trường học và bệnh viện. Luật pháp và quy định cũng có thể sẽ cần phải sửa đổi do sự gia tăng dân số. Ví dụ: có thể các gia đình sẽ chỉ được phép sở hữu một chiếc ô tô duy nhất hoặc mọi người sẽ không được phép lái xe ở một số khu vực nhất định để giúp giảm lưu lượng giao thông…  
**b. Now, listen and circle True or False.** (Bây giờ, nghe và khoanh *True* - đúng hoặc *False* - sai.)  
1. The world’s population was over 4 billion in 1960. True/False  
2. The world’s population more than doubled between 1960 and 2020. True/False  
3. About 56% of people lived in urban areas in 1960. True/False  
4. The speaker says that healthcare will be an issue in urban areas. True/False  
5. The speaker says laws may need to change because of the increased population. True/False  
CD2-29  
**Đáp án:**  
  
  
  
  
1. False  
  
  
2. True  
  
  
3. False  
  
  
4. True  
  
  
5. True  
  
  
  
  
**Giải thích:**  
1. Thông tin: The population of the world is continuing to increase. In 1960 the world's population was around 3 billion people. (Dân số thế giới đang tiếp tục tăng. Năm 1960 dân số thế giới là khoảng 3 tỷ người.)  
2. Thông tin: In 1960 the world's population was around 3 billion people. In 2020, it was just under 8 billion people. That is over two and a half times more people in just 60 years living on the planet that can't get any bigger. (Năm 1960 dân số thế giới là khoảng 3 tỷ người. Năm 2020, con số này chỉ dưới 8 tỷ người. Chỉ trong vòng 60 năm, dân số đã tăng gấp hơn 2,5 lần trong khi diện tích đất không đổi.)  
3. Thông tin: In 1960, only about 34% of people lived in urban areas, while in 2020, around 56% of people lived in urban areas. (Năm 1960, chỉ có khoảng 34% dân số sống ở thành thị thì năm 2020 con số này đã tăng lên khoảng 56%.)  
4. Thông tin: The increased population will likely cause issues with transportation, energy, sanitation, education, housing, food production, health care, and much more. (Dân số tăng lên có thể sẽ gây ra các vấn đề về giao thông, năng lượng, vệ sinh, giáo dục, nhà ở, sản xuất lương thực, chăm sóc sức khỏe, v.v.)  
5. Thông tin: Laws and rules will also likely need to change due to the increase in population. For example, maybe families will only be allowed to own a single car, or people won't be allowed to drive in certain areas to help reduce traffic… (Luật pháp và quy định cũng có thể sẽ cần phải sửa đổi do sự gia tăng dân số. Ví dụ: có thể các gia đình sẽ chỉ được phép sở hữu một chiếc ô tô duy nhất hoặc mọi người sẽ không được phép lái xe ở một số khu vực nhất định để giúp giảm lưu lượng giao thông…)  
**Hướng dẫn dịch:**  
1. Dân số thế giới là hơn 4 tỷ người vào năm 1960.  
2. Dân số thế giới đã tăng hơn gấp đôi từ năm 1960 đến năm 2020.  
3. Khoảng 56% dân số sống ở thành thị vào năm 1960.  
4. Diễn giả nói rằng chăm sóc sức khỏe sẽ là một vấn đề ở khu vực thành thị.  
5. Diễn giả nói rằng luật pháp có thể cần phải thay đổi vì dân số tăng lên.  
**c. In pairs: Is overpopulation an issue where you live? Why (not)?** (Theo cặp: Dân số quá đông có phải là vấn đề ở nơi bạn sống không? Tại sao có (không)?)  
**Gợi ý:**  
Overpopulation can be an issue in my hometown due to strain on resources, infrastructure, and environmental degradation.  
**Hướng dẫn dịch:**  
Dân số quá đông có thể là một vấn đề ở quê hương tôi do áp lực về tài nguyên, cơ sở hạ tầng và suy thoái môi trường.  
  
**Reading (phần a->e trang 82-83 sgk Tiếng Anh 12 Smart World)**  
**a. Read the report and look at the charts. Which chart is the report talking about?** (Đọc báo cáo và nhìn vào biểu đồ. Báo cáo đang nói về biểu đồ nào?)  
  
The chart shows how the populations of three major cities in the USA changed from 1950 to 2010. These cities are Atlanta, Charlotte, and New Orleans.  
In general, the population in each city increased over the 60-year period. During this time, Atlanta had the most **significant** change in population. It **sharply** while the population of Charlotte had a **steady** increase. New Orleans’s population **fluctuated** over the period.  
The population of Atlanta in 1950 was around 500 thousand, and it rose **significantly** to 2.2 million by 1990. It then had a **sharp** increase by about 2.5 million people between 1990 and 2010. Similarly, Charlotte's population went up over the 60-year period. It grew **steadily** from 100 thousand to 500 thousand between 1950 and 1990. Its population also increased significantly between 1990 and 2010, but only by 800 thousand.  
The population of New Orleans had some **fluctuation** between 1950 and 2010. It had a **slight** growth between 1950 and 1970, when it went from 700 thousand to 900 thousand. It then fell back to 800 thousand in 1990 before **slightly** increasing to one million in 2010.  
**Đáp án:** 2  
**Hướng dẫn dịch:**  
Biểu đồ cho thấy dân số của ba thành phố lớn ở Hoa Kỳ đã thay đổi như thế nào từ năm 1950 đến năm 2010. Những thành phố này là Atlanta, Charlotte và New Orleans.  
Nhìn chung, dân số ở mỗi thành phố đều tăng trong khoảng thời gian 60 năm. Trong khoảng thời gian này, Atlanta có sự thay đổi đáng kể nhất về dân số. Dân số của nó tăng mạnh trong khi dân số ở Charlotte tăng đều đặn. Dân số ở New Orleans biến động trong khoảng thời gian này.  
Dân số ở Atlanta năm 1950 là khoảng 500 nghìn người và tăng đáng kể lên 2,2 triệu người vào năm 1990. Sau đó, tăng mạnh khoảng 2,5 triệu người từ năm 1990 đến năm 2010. Tương tự như vậy, dân số ở Charlotte đã tăng lên trong khoảng thời gian 60 năm. Dân số tăng đều đặn từ 100 nghìn người lên 500 nghìn người từ năm 1950 đến năm 1990. Dân số của nó cũng tăng đáng kể từ năm 1990 đến năm 2010, nhưng chỉ tăng 800 nghìn người.  
Dân số ở New Orleans có một số biến động trong khoảng thời gian từ năm 1950 đến năm 2010. Dân số có sự tăng trưởng nhẹ trong khoảng thời gian từ năm 1950 đến năm 1970, tăng từ 700 nghìn lên 900 nghìn người. Sau đó giảm xuống còn 800 nghìn người vào năm 1990 trước khi tăng nhẹ lên 1 triệu người vào năm 2010.  
**b. Write both forms of the bold words in the text with their definitions.** (Viết cả hai dạng của từ in đậm trong văn bản với định nghĩa của chúng.)  
1. \_\_\_\_\_/\_\_\_\_\_ : very small in degree/very little  
2. \_\_\_\_\_/\_\_\_\_\_ : sudden and large change/sudden and by a large amount  
3. \_\_\_\_\_/\_\_\_\_\_ : growing slowly in an even way/slowly and in an even way  
4. \_\_\_\_\_/\_\_\_\_\_ : large enough to be noticed easily/in a way that is large enough to be noticed easily  
5. \_\_\_\_\_/\_\_\_\_\_ : change in amount often/one of many changes in amount from one time to the next   
**Đáp án:**  
1. slight/slightly: very small in degree/very little  
2. sharp/sharply: sudden and large change/sudden and by a large amount  
3. steady/steadily: growing slowly in an even way/slowly and in an even way  
4. significant/significantly: large enough to be noticed easily/in a way that is large enough to be noticed easily  
5. fluctuate/fluctuation: change in amount often/one of many changes in amount from one time to the next  
**Hướng dẫn dịch:**  
1. nhẹ: mức độ rất nhỏ/rất ít  
2. đột ngột: sự thay đổi đột ngột và lớn/đột ngột và với số lượng lớn  
3. ổn định: tăng chậm rãi một cách đồng đều/chậm rãi và đồng đều  
4. đáng kể: đủ lớn để được chú ý một cách dễ dàng/theo cách đủ lớn để được chú ý một cách dễ dàng  
5. biến động: thay đổi về số lượng thường xuyên/một trong nhiều thay đổi về số lượng từ lần này sang lần khác  
**c. Now, read and choose the correct answers.** (Đọc và chọn đáp án đúng.)  
1. The word in paragraph 2 is closest in meaning to \_\_\_\_\_\_\_.  
A. went down  
B. flower  
C. increased  
2. The population of Atlanta \_\_\_\_\_\_\_.  
A. grew by 2.2 million between 1950 and 1990  
B. increased by about 2.5 million in1990  
C. went up to 2.2 million by 1990  
3. Between 1950 and 1990, Charlotte's population \_\_\_\_\_\_\_.  
A. went up by 100 thousand  
B. went up by 400 thousand  
C. went up by 500 thousand  
4. Which of the following is NOT true about New Orleans according to paragraph 4?  
A. The population didn't change.   
B. The population was one million in 2010.   
C. The population increased a bit after 1990.  
5. Which city had the largest population in 1950?  
A. Atlanta  
B. New Orleans  
C. Charlotte  
**Đáp án:**  
  
  
  
  
1. C  
  
  
2. C  
  
  
3. B  
  
  
4. A  
  
  
5. B  
  
  
  
  
**Giải thích:**  
1. Thông tin: During this time, Atlanta had the most significant change in population. It sharply while the population of Charlotte had a steady increase. (Trong khoảng thời gian này, Atlanta có sự thay đổi đáng kể nhất về dân số. Dân số của nó mạnh trong khi dân số ở Charlotte tăng đều đặn.)  
2. Thông tin: The population of Atlanta in 1950 was around 500 thousand, and it rose significantly to 2.2 million by 1990. (Dân số ở Atlanta năm 1950 là khoảng 500 nghìn người và tăng đáng kể lên 2,2 triệu người vào năm 1990.)  
3. Thông tin: Similarly, Charlotte's population went up over the 60-year period. It grew steadily from 100 thousand to 500 thousand between 1950 and 1990. (Tương tự như vậy, dân số ở Charlotte đã tăng lên trong khoảng thời gian 60 năm. Dân số tăng đều đặn từ 100 nghìn người lên 500 nghìn người từ năm 1950 đến năm 1990.)  
4. Thông tin: The population of New Orleans had some fluctuation between 1950 and 2010. It had a slight growth between 1950 and 1970, when it went from 700 thousand to 900 thousand. It then fell back to 800 thousand in 1990 before slightly increasing to one million in 2010. (Dân số ở New Orleans có một số biến động trong khoảng thời gian từ năm 1950 đến năm 2010. Dân số có sự tăng trưởng nhẹ trong khoảng thời gian từ năm 1950 đến năm 1970, tăng từ 700 nghìn lên 900 nghìn người. Sau đó giảm xuống còn 800 nghìn người vào năm 1990 trước khi tăng nhẹ lên 1 triệu người vào năm 2010.)  
5. Thông tin:  
- The population of Atlanta in 1950 was around 500 thousand, and it rose significantly to 2.2 million by 1990. (Dân số ở Atlanta năm 1950 là khoảng 500 nghìn người và tăng đáng kể lên 2,2 triệu người vào năm 1990.)  
- The population of New Orleans had some fluctuation between 1950 and 2010. It had a slight growth between 1950 and 1970, when it went from 700 thousand to 900 thousand. (Dân số ở New Orleans có một số biến động trong khoảng thời gian từ năm 1950 đến năm 2010. Dân số có sự tăng trưởng nhẹ trong khoảng thời gian từ năm 1950 đến năm 1970, tăng từ 700 nghìn lên 900 nghìn người.)  
- Similarly, Charlotte's population went up over the 60-year period. It grew steadily from 100 thousand to 500 thousand between 1950 and 1990. (Tương tự như vậy, dân số ở Charlotte đã tăng lên trong khoảng thời gian 60 năm. Dân số tăng đều đặn từ 100 nghìn người lên 500 nghìn người từ năm 1950 đến năm 1990.)  
**Hướng dẫn dịch:**  
1. Từ ở đoạn 2 có nghĩa gần nhất với \_\_\_\_\_\_\_.  
A. đi xuống  
B. hoa  
C. tăng lên  
2. Dân số ở Atlanta \_\_\_\_\_\_\_.  
A. tăng thêm 2,2 triệu người từ năm 1950 đến năm 1990  
B. tăng khoảng 2,5 triệu người vào năm 1990  
C. tăng lên 2,2 triệu người vào năm 1990  
3. Từ năm 1950 đến năm 1990, dân số ở Charlotte \_\_\_\_\_\_\_.  
A. tăng thêm 100 nghìn người   
B. tăng thêm 400 nghìn người   
C. tăng thêm 500 nghìn người  
4. Điều nào sau đây KHÔNG đúng về New Orleans theo đoạn 4?  
A. Dân số không thay đổi.  
B. Dân số là một triệu người vào năm 2010.  
C. Dân số tăng lên một chút sau năm 1990.  
5. Thành phố nào có dân số đông nhất vào năm 1950?  
A. Atlanta  
B. New Orleans  
C. Charlotte  
**d. Listen and read.** (Nghe và đọc.)  
CD2-30  
**e. In pairs: What reasons would make someone move to a city? Why would people move away from a city?** (Theo cặp: Những lý do nào khiến một người chuyển đến thành phố? Tại sao mọi người lại di chuyển khỏi một thành phố?)  
**Gợi ý:**  
Person 1: People often move to cities for better job opportunities and higher salaries, as urban areas typically offer a wider range of employment options and career advancement prospects.  
Person 2: That's true. Cities also provide access to better amenities and services, such as healthcare, education, and entertainment, which can improve quality of life and attract individuals seeking a more convenient and vibrant lifestyle.  
Person 1: Definitely. However, there are also reasons why people might move away from cities.  
Person 2: One common reason is the high cost of living, including expensive housing prices and living expenses, which can become unsustainable for some individuals, especially those with lower incomes.  
Person 1: Right. Additionally, some people may move away from cities due to concerns about pollution, overcrowding, and the fast-paced lifestyle, seeking quieter and more environmentally friendly alternatives in suburban or rural areas.  
Person 2: Exactly. Ultimately, people's decisions to move to or away from cities are influenced by a combination of factors related to job opportunities, lifestyle preferences, affordability, and environmental considerations.  
**Hướng dẫn dịch:**  
Người 1: Mọi người thường chuyển đến thành phố để có cơ hội việc làm tốt hơn và mức lương cao hơn, vì khu vực thành thị thường có nhiều lựa chọn việc làm và triển vọng thăng tiến nghề nghiệp hơn.  
Người 2: Đúng vậy. Các thành phố cũng cung cấp khả năng tiếp cận các tiện nghi và dịch vụ tốt hơn, chẳng hạn như chăm sóc sức khỏe, giáo dục và giải trí, có thể cải thiện chất lượng cuộc sống và thu hút những cá nhân đang tìm kiếm một lối sống thuận tiện và sôi động hơn.  
Người 1: Chắc chắn rồi. Tuy nhiên, cũng có những lý do khiến mọi người rời khỏi thành phố.  
Người 2: Một lý do phổ biến là chi phí sinh hoạt cao, bao gồm giá nhà ở và chi phí sinh hoạt đắt đỏ, có thể trở nên không bền vững đối với một số cá nhân, đặc biệt là những người có thu nhập thấp hơn.  
Người 1: Đúng vậy. Ngoài ra, một số người có thể rời khỏi các thành phố do lo ngại về ô nhiễm, quá đông đúc và lối sống nhịp độ nhanh, tìm kiếm những lựa chọn thay thế yên tĩnh hơn và thân thiện với môi trường hơn ở các khu vực ngoại ô hoặc nông thôn.  
Người 2: Chính xác. Cuối cùng, quyết định di chuyển đến hoặc rời khỏi thành phố của mọi người bị ảnh hưởng bởi sự kết hợp của các yếu tố liên quan đến cơ hội việc làm, sở thích về lối sống, khả năng chi trả và cân nhắc về môi trường.  
  
**Writing (phần a->c trang 83 sgk Tiếng Anh 12 Smart World)**  
**a. Read about writing reports on bar charts, then read the report again and write I beside the introduction, 0 beside the overview, and B beside the body paragraphs.** (Đọc cách viết báo cáo về biểu đồ cột, sau đó đọc lại báo cáo và viết *I* bên cạnh phần giới thiệu, *0* bên cạnh phần tổng quan và *B* bên cạnh các đoạn thân bài.)  
  
  
  
  
**Writing Skill**  
**Writing reports on bar charts**  
To write a good report on the information on a bar chart, you should:  
**1. Start with an introduction and tell the reader what the bar chart shows.**  
*This bar chart shows how the populations of several cities changed around the world between 1950 and 2000.*  
**2. Write an overview of the information.** This should include two to three general trends that you are going to describe later. Make comparisons when possible. Do NOT mention any specific data.  
*Overall, the populations of African cities rose sharply, while European cities increased more steadily.*  
**3. Write two body paragraphs that use detailed evidence to support the trends you stated in your overview.**  
Each paragraph should talk about one or two trends you can easily compare. You don't need to talk about all information on the chart, just what is important. And don't add your own opinion.  
*The population of Cape Town was 1.1 million in 1970 and rose to 2.8 million by 2000.*  
  
  
  
  
**Đáp án:**  
  
**Hướng dẫn dịch:**  
  
  
  
  
**Kỹ năng viết**  
**Viết báo cáo về biểu đồ cột**  
Để viết một báo cáo tốt về thông tin trên biểu đồ cột, bạn nên:  
**1. Bắt đầu bằng phần giới thiệu và cho người đọc biết biểu đồ cột thể hiện điều gì.**  
*Biểu đồ cột này cho thấy dân số của một số thành phố trên khắp thế giới đã thay đổi như thế nào từ năm 1950 đến năm 2000.*  
**2.** **Viết tổng quan về thông tin.** Điều này nên bao gồm hai đến ba xu hướng chung mà bạn sắp mô tả sau đó. Hãy so sánh khi có thể. KHÔNG đề cập đến bất kỳ dữ liệu cụ thể nào.  
*Nhìn chung, dân số các thành phố châu Phi tăng mạnh, trong khi dân số các thành phố châu Âu tăng đều đặn hơn.*  
**3. Viết hai đoạn thân bài sử dụng dẫn chứng cụ thể để củng cố cho các xu hướng mà bạn đã nêu trong phần tổng quan của mình.**  
Mỗi đoạn nên nói về một hoặc hai xu hướng mà bạn có thể dễ dàng so sánh. Bạn không cần phải nêu tất cả thông tin trên biểu đồ, chỉ nêu những thông tin quan trọng. Và đừng nêu quan điểm của riêng bạn.  
*Dân số ở Cape Town là 1,1 triệu người vào năm 1970 và tăng lên 2,8 triệu người vào năm 2000.*  
  
  
  
  
**b. Why do you think the report was organized like that?** (Bạn nghĩ tại sao báo cáo được sắp xếp theo cấu trúc như vậy?)  
**Gợi ý:**  
The report was likely organized with an introduction to provide background information and context, an overview to summarize the main points and findings, and a body to present detailed analysis, evidence, and recommendations. This structure helps readers understand the purpose of the report, grasp the key points efficiently, and delve into the specifics of the topic discussed. Additionally, it enhances readability and facilitates navigation through the document.  
**Hướng dẫn dịch:**  
Báo cáo được sắp xếp với phần giới thiệu nhằm cung cấp thông tin cơ bản và bối cảnh, phần tổng quan nhằm tóm tắt các ý chính và phát hiện chính, và phần thân bài trình bày phân tích chi tiết, dẫn chứng và khuyến nghị. Cấu trúc này giúp người đọc hiểu được mục đích của báo cáo, nắm bắt những điểm chính một cách hiệu quả và đi sâu vào chi tiết cụ thể của chủ đề được thảo luận. Ngoài ra, nó tăng cường khả năng đọc và tạo điều kiện thuận lợi cho việc điều hướng thông qua tài liệu.  
**c. Read the sentences and write I for introduction, 0 for overview, and B for body.** (Đọc các câu và viết *I* cho phần giới thiệu, *0* cho phần tổng quan, và *B* cho phần thân bài.)  
1. The population of Mumbai was around 9 million in 1980, while Delhi's population was about 8 million.  
2. Cities in the north of Canada usually had a slightly lower population than those in the south.  
3. The population grew by 3.4 million between 1960 and 1970, but remained steady for the next 20 years.  
4. The chart shows how many people moved from the country to the city in Brazil over the last 50 years.  
5. Over the whole period, the population of Cambodia had the most significant increase.  
6. The population fluctuated from 1980 to 2010, but rose sharply by 2020.  
**Đáp án:**  
  
  
  
  
1. B  
  
  
2. O  
  
  
3. B  
  
  
4. I  
  
  
5. O  
  
  
6. B  
  
  
  
  
**Hướng dẫn dịch:**  
1. Dân số Mumbai là khoảng 9 triệu người vào năm 1980, trong khi dân số Delhi là khoảng 8 triệu người.  
2. Các thành phố ở phía bắc Canada thường có dân số thấp hơn một chút so với các thành phố ở phía nam.  
3. Dân số tăng 3,4 triệu người từ năm 1960 đến năm 1970 nhưng vẫn ổn định trong 20 năm tiếp theo.  
4. Biểu đồ cho thấy có bao nhiêu người đã chuyển từ nông thôn đến thành phố ở Brazil trong 50 năm qua.  
5. Trong cả thời kỳ, dân số Campuchia có mức tăng đáng kể nhất.  
6. Dân số dao động từ năm 1980 đến năm 2010 nhưng tăng mạnh vào năm 2020.  
  
**Speaking (phần a->b trang 84 sgk Tiếng Anh 12 Smart World)**  
**a. In pairs: Ask and answer about the information on the chart. How did populations change? How much did they change by? What was the biggest change?** (Theo cặp: Hỏi và trả lời về thông tin trên biểu đồ. Dân số đã thay đổi như thế nào? Dân số đã thay đổi bao nhiêu? Sự thay đổi lớn nhất là gì?)  
- How much did the population change in Smitten between 1990 and 2000? (Dân số ở Smitten đã thay đổi bao nhiêu từ năm 1990 đến năm 2000?)  
- It decreased by 400 thousand. (Nó giảm 400 nghìn người.)  
  
**Gợi ý:**  
- How much did the population change in Smitten between 2000 and 2010?  
 It decreased by 400 thousand.  
- How much did the population change in Duffet between 1990 and 2010?  
 It increased by 2.1 million.  
- How much did the population change in Walebridge between 1990 and 2000?  
 It increased slightly by 200 thousand.  
- The biggest change was the population increase in Duffet between 1990 and 2010.  
**Hướng dẫn dịch:**  
- Dân số ở Smitten đã thay đổi bao nhiêu từ năm 2000 đến năm 2010?  
 Nó giảm 400 nghìn người.  
- Dân số ở Duffet đã thay đổi bao nhiêu từ năm 1990 đến năm 2010?  
 Nó tăng thêm 2,1 triệu người.  
- Dân số ở Walebridge đã thay đổi bao nhiêu từ năm 1990 đến năm 2000?  
 Nó tăng nhẹ 200 nghìn người.  
- Sự thay đổi lớn nhất là sự gia tăng dân số ở Duffet từ năm 1990 đến năm 2010.  
**b. Complete the table to make an outline for your report.** (Hoàn thành bảng để làm dàn ý cho báo cáo của bạn.)  
  
  
  
  
**City**  
  
  
**Trend**  
  
  
**Supporting details**  
  
  
  
  
   
  
  
   
  
  
   
  
  
  
  
   
  
  
   
  
  
   
  
  
  
  
   
  
  
   
  
  
   
  
  
  
  
**Gợi ý:**  
  
  
  
  
**City**  
  
  
**Trend**  
  
  
**Supporting details**  
  
  
  
  
Smitten  
  
  
Moderate decrease  
  
  
Population fell from more than 3 million in 1990 to 2.5 million in 2010.  
  
  
  
  
Duffet  
  
  
Significant increase  
  
  
Population grew from around 2 million in 1990 to 4.6 million in 2010.  
  
  
  
  
Walebridge  
  
  
Slight increase  
  
  
Population grew from 1.8 million in 1990 to 2.2 million in 2010.  
  
  
  
  
**Hướng dẫn dịch:**  
  
  
  
  
**Thành phố**  
  
  
**Xu hướng**  
  
  
**Câu luận cứ**  
  
  
  
  
Smitten  
  
  
Giảm vừa phải  
  
  
Dân số giảm từ hơn 3 triệu người năm 1990 xuống còn 2,5 triệu người năm 2010.  
  
  
  
  
Duffet  
  
  
Tăng đáng kể  
  
  
Dân số tăng từ khoảng 2 triệu người năm 1990 lên 4,6 triệu người năm 2010.  
  
  
  
  
Walebridge  
  
  
Tăng nhẹ  
  
  
Dân số tăng từ 1,8 triệu người năm 1990 lên 2,2 triệu người năm 2010.  
  
  
  
  
  
**Useful language (phần a->b trang 84 sgk Tiếng Anh 12 Smart World)**  
**a. Read the report again. Circle the phrases in the box below that appear in the text.** (Đọc lại báo cáo. Khoanh tròn các cụm từ trong khung bên dưới xuất hiện trong đoạn văn.)  
  
  
  
  
  
**Phrases to introduce trends (Các cụm từ để giới thiệu xu hướng)**  
Overall, ... (Nhìn chung, …)  
Throughout (the 1990's) ... (Trong suốt (những năm 1990) …)  
In general, … (Nhìn chung, …)  
**Phrases to introduce data (Các cụm từ để giới thiệu dữ liệu)**  
from ... to ... (từ … đến …)  
between ... and ... (giữa … và …)  
... a further (5 million) ... (thêm (5 triệu người) …)  
  
  
  
  
  
**Đáp án:**  
In general, …  
from ... to ...  
between ... and ...  
**b. Rewrite the sentences using a different word or phrase for the words or phrases in bold.** (Viết lại câu bằng cách sử dụng một từ hoặc cụm từ khác cho các từ hoặc cụm từ in đậm.)  
1. **In general**, populations of the three cities increased over the 60-year period.  
   
2. However, it increased sharply **between 1980 and 1990**.  
3. The population grew by **another** 2 million.  
4. The population slowly increased **from 1950 to 2010**.  
5. However, it dropped **between 1940 and 1960**.  
**Gợi ý:**  
1. Overall, populations of the three cities increased over the 60-year period.  
2. However, it increased sharply throughout the 1980's.  
3. The population grew by a further 2 million.  
4. The population slowly increased between 1950 and 2010.  
5. However, it dropped from 1940 to 1960.  
**Hướng dẫn dịch:**  
1. Nhìn chung, dân số của ba thành phố đã tăng lên trong thời gian 60 năm.  
2. Tuy nhiên, nó đã tăng mạnh trong suốt những năm 1980.  
3. Dân số tăng thêm 2 triệu người.  
4. Dân số tăng chậm từ năm 1950 đến năm 2010.  
5. Tuy nhiên, nó đã giảm từ năm 1940 đến năm 1960.  
  
**Let’s write (trang 84 sgk Tiếng Anh 12 Smart World)**  
**Now, write a report about the information in the bar chart. Summarize the information by selecting and reporting the main features, and make comparisons. Use the Writing Skill box, the reading model, and your speaking notes to help you. Write 180-200 words.** (Bây giờ, hãy viết báo cáo về thông tin trong biểu đồ cột. Tóm tắt thông tin bằng cách lựa chọn và báo cáo các đặc điểm chính và so sánh. Sử dụng bảng Kỹ năng viết, bài đọc mẫu và ghi chú nói để giúp bạn. Viết 180-200 từ.)  
**Gợi ý:**  
This report summarizes the population changes in Smitten, Duffet, and Walebridge between 1990 and 2010.  
While Duffet and Walebridge experienced population growth, Smitten's population exhibited a contrasting trend.  
Smitten experienced a moderate decrease in population over the specified period. In 1990, the population stood at more than 3 million residents. However, by 2010, this figure had dropped to approximately 2.5 million. This represented a significant decline of nearly 24%. Duffet's population growth was significant compared to the population increase of Walebridge. The town's population increased from 2.3 million in 1990 to 4.5 million in 2010, reflecting an approximate 50% increase.  
Walebridge experienced moderate population growth. Walebridge experienced a slight increase in population from 1.8 million in 1990 to 2.2 million in 2010. Although the growth rate is lower compared to Duffet, it still demonstrates a positive trend in population growth. In 1990, Smitten had the largest population, but by 2010, that position was taken by Duffet due to Smitten's relative population decline. Walebridge always had the smallest population compared to Smitten and Duffet in the three years from 1990 to 2010.  
**Hướng dẫn dịch:**  
Báo cáo này tóm tắt những thay đổi về dân số ở Smitten, Duffet và Walebridge từ năm 1990 đến năm 2010.  
Trong khi dân số ở Duffet và Walebridge tăng trưởng thì dân số của Smitten lại có xu hướng giảm.  
Smitten đã trải qua sự sụt giảm dân số vừa phải trong một khoảng thời gian. Năm 1990, dân số đạt hơn 3 triệu người. Tuy nhiên, đến năm 2010, con số này đã giảm xuống còn xấp xỉ 2,5 triệu người. Điều này cho thấy mức giảm đáng kể gần 24%. Mức tăng dân số của Duffet rất đáng kể so với mức tăng dân số của Walebridge. Dân số của thị trấn tăng từ 2,3 triệu người năm 1990 lên 4,5 triệu người năm 2010, phản ánh mức tăng xấp xỉ 50%.  
Walebridge có mức tăng trưởng dân số vừa phải. Walebridge có sự gia tăng dân số nhẹ từ 1,8 triệu người năm 1990 lên 2,2 triệu người năm 2010. Mặc dù tốc độ tăng trưởng thấp hơn so với Duffet nhưng nó vẫn cho thấy xu hướng tăng trưởng dân số tích cực. Năm 1990, Smitten có dân số lớn nhất, nhưng đến năm 2010, vị trí đó đã bị Duffet đảm nhận do dân số của Smitten giảm tương đối. Walebridge luôn có dân số nhỏ nhất so với Britten và Duffet trong ba năm từ 1990 đến 2010.  
**Xem thêm các bài giải SGK Tiếng Anh 12 sách ILearn Smart World hay, chi tiết khác:**  
Unit 8: The Media  
Review 3  
Unit 9: The Green Environment  
Unit 10: Artificial Intelligence  
Review 4